**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM**

**BẢNG TỔNG HỢP TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN TRUNG GIAN THANH TOÁN VÀ CÁC CÔNG TY FINTECH**

*V/v Dự thảo lần 2 Nghị định về Cơ chế thử nghiệm có kiểm soát*

*hoạt động công nghệ tài chính (Fintech) trong lĩnh vực ngân hàng*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **I.** | **Ý KIẾN CHUNG** | | **Đơn vị ý kiến** | **Tiếp thu, giải trình** |
| 1 | Đề xuất bổ sung các quy định cụ thể điều chỉnh cho các hoạt động về cấp tín dụng trên nền tảng công nghệ, chấm điểm tín dụng, chia sẻ dữ liệu qua giao diện lập trình ứng dụng để các chủ thể tham gia Cơ chế thử nghiệm có cơ sở pháp lý triển khai.  (Điều 7 của Dự thảo quy định các giải pháp Fintech trong lĩnh vực ngân hàng được phép thử nghiệm tại Cơ chế thử nghiệm có đưa ra 6 lĩnh vực được phép thử nghiệm tại Cơ chế thử nghiệm. Tuy nhiên, nội dung Dự thảo mới chỉ quy định cụ thể việc triển khai cho giải pháp cho vay ngang hàng (từ Điều 13 đến Điều 17 của Dự thảo)). | | NAPAS | **Không tiếp thu.**  Qua nghiên cứu, rà soát Cơ chế quản lý thử nghiệm Fintech (Sandbox) của các quốc gia trên thế giới (như Vương Quốc Anh, Singapore, Thái Lan, In-đô-nê-xi-a...), NHNN thấy rằng đến nay chưa có quốc gia nào xây dựng các bộ tiêu chí độc lập cho từng lĩnh vực thử nghiệm trong Sandbox mà chỉ thiết kế (một) **01** bộ tiêu chí áp dụng chung cho các tổ chức thử nghiệm. Tuy nhiên, căn cứ thực tiễn thị trường Fintech tại Việt Nam, nhận thức chung và sự đồng thuận của Bộ ngành liên quan về mục tiêu, yêu cầu quản lý đối với các loại hình hoạt động Fintech, NHNN đã tiếp thu, thiết kế nội dung liên quan tại Nghị định theo hướng *quy định các tiêu chí chung với các giải pháp tham gia Cơ chế thử nghiệm và một số điều kiện cụ thể đối với giải pháp thuộc lĩnh vực đặc thù (hoạt động cho vay ngang hàng - P2P Lending)*.  Đây là các ***tiêu chí khung***, ***có*** ***tính*** ***nguyên tắc và thống nhất chung***. Việc quy định các tiêu chí như nêu trên là phù hợp với bản chất của cách thức tiếp cận pháp lý Sandbox, đó là *quản lý dựa theo nguyên tắc (principles-based) thay vì theo các quy tắc cụ thể (rule-based) của cách thức tiếp cận pháp lý truyền thống*. Các giải pháp, dịch vụ Fintech muốn thử nghiệm đều là các dịch vụ, giải pháp mới mà các cơ quan quản lý chưa thể nắm bắt, nhận diện được đầy đủ bản chất, đặc điểm hay hồ sơ rủi ro để có thể xác định chính xác yêu cầu về điều kiện hay tiêu chí ngay tại thời điểm thử nghiệm. Việc lựa chọn, đưa ra các tiêu chí này để đảm bảo mục tiêu của Cơ chế quản lý thử nghiệm được quy định tại Điều 4 dự thảo Nghị định. |
| 2 | - Về đối tượng áp dụng:  + Tại Điều 2 và Điều 3 có đề cập đến nhóm đối tượng “Công ty công nghệ tài chính (Công ty Fintech)” nhưng chưa có cách giải thích rõ về loại đối tượng này để hiểu và phân biệt trong việc áp dụng.  + Nghị định nên quy định rõ các mã ngành nghề kinh doanh cần đăng ký để được xem là Công ty Fintech và cần xác định rõ công ty trung gian thanh toán cũng là đối tượng thuộc nhóm Công ty Fintech, để phù hợp với bản chất hoạt động của loại hình này trên thực tế. Ngoài ra, giấy chứng nhận tham gia cơ chế thử nghiệm cần được hiểu là giấy phép hoạt động (giấy phép con) dựa trên ngành nghề kinh doanh đã được đăng ký trong trường hợp Công ty Fintech đăng ký tham gia cơ chế thử nghiệm.  + Tại Điều 3 định nghĩa về “Giải pháp công nghệ tài chính”: chỉ giới hạn “trong lĩnh vực ngân hàng”, cách diễn đạt này chưa bao quát được phạm vi triển khai, nên điều chỉnh theo hướng mở rộng phạm vi “trong lĩnh vực tài chính”. | | PAYOO | **- Không tiếp thu.**  NHNN đã giải thích từ ngữ tại khoản 2 Điều 3 dự thảo Nghị định.  **- Không tiếp thu.**  Thực tế, việc cung ứng các giải pháp Fintech chưa có quy định pháp lý cụ thể, vì tính mới nên chưa thể khẳng định việc cung cấp có vi phạm điều cấm hay cần thiết phải thiết lập mã ngành nghề kinh doanh và điều kiện kinh doanh. Dự thảo Nghị định quy định về điều kiện và tiêu chí tham gia Cơ chế thử nghiệm không đồng nghĩa với việc sẽ trở thành điều kiện kinh doanh đối với giải pháp tham gia thử nghiệm khi cung ứng chính thức trên thị trường.  **- Không tiếp thu.**  Cách diễn đạt này là phù hợp với phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị định. |
| 3 | Dự thảo chưa ghi nhận cơ chế bảo vệ quyền lợi của các đơn vị liên quan (như: tổ chức tín dụng, đơn vị trung gian thanh toán, các tổ chức khác...) khi hợp tác với các tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm Fintech triển khai các kênh hỗ trợ thanh toán. Việc ghi nhận rõ các nội dung này vừa tạo điều kiện để các tổ chức mạnh dạn tham gia vào cơ chế thử nghiệm, đồng thời vẫn đảm bảo hạn chế rủi ro công nghệ, và bảo vệ quyền lợi cho người tiêu dùng, các đối tượng tiếp cận/sử dụng/tương tác dịch vụ do các tổ chức này cung cấp. | | PAYOO | **Không tiếp thu.** Nghị định chỉ thiết lập nguyên tắc để thử nghiệm, chưa thể hoàn toàn xác định được bản chất, mô hình hay mối liên hệ cụ thể giữa các bên có liên quan. Do đó, chưa thể quy định rõ về cơ chế này. |
| 4 | Về thời gian thử nghiệm: có thể mở rộng hơn so với Dự thảo, từ 03 – 05 năm tùy theo loại hình thử nghiệm vì các bên cần có nhiều thời gian để triển khai thực tế, điều chỉnh mô hình hoạt động cho phù hợp với các điều kiện thực tế trước khi có đánh giá kết luận. | | PAYOO | **Không tiếp thu.** Qua nghiên cứu kinh nghiệm xây dựng Cơ chế thử nghiệm của các quốc gia trên thế giới và khuyến nghị của Ngân hàng Thế giới (WB)[[1]](#footnote-1), ***các Cơ chế thử nghiệm trong lĩnh vực Fintech đều có giới hạn về thời gian***, cụ thể có thể dao động trong khoảng 3 – 24 tháng và khoảng thời gian thử nghiệm phổ biến nhất là từ 6 tháng đến 1 năm. Bên cạnh đó, việc quy định thời gian thử nghiệm giới hạn trong hai (02) năm và có thể được gia hạn (Quy định về gia hạn thử nghiệm tại Điều 22 Dự thảo Nghị định) đã đảm bảo các cơ quan quản lý có đủ thời gian quan sát việc cung ứng giải pháp và đưa ra các định hướng quản lý giải pháp thử nghiệm, tạo cơ sở cho việc hoàn thiện khuôn khổ pháp lý cho phép giải pháp cung ứng được triển khai rộng rãi hoặc cần giới hạn cung ứng giải pháp để kiểm soát rủi ro, hạn chế tác động tiêu cực đến thị trường tài chính.  Ngoài ra, theo ý kiến một số chuyên gia tài chính – ngân hàng uy tín trong nước[[2]](#footnote-2), thời gian thử nghiệm cần được rút ngắn còn một (01) năm để thúc đẩy đổi mới sáng tạo, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số, thích ứng với sự phát triển nhanh chóng của Fintech. Tuy nhiên, đối với trường hợp của Việt Nam, qua kinh nghiệm mà NHNN đã xử lý thí điểm đối với các tổ chức không phải là ngân hàng tham gia cung ứng các dịch vụ trung gian thanh toán giai đoạn 2008-2012 cho thấy, các công ty này cần một khoảng thời gian nhất định để chuẩn bị điều kiện về hạ tầng, kỹ thuật, nhân sự… và thời gian phù hợp để triển khai mô hình/giải pháp sau khi được NHNN chấp thuận tham gia thử nghiệm là 01-02 năm (tùy từng giải pháp cụ thể); trong thời gian thử nghiệm nêu trên, các công ty Fintech có thể được cơ quan quản lý xem xét chấm dứt/dừng thử nghiệm hoặc gia hạn thời gian thử nghiệm. |
| 5 | Liên quan đến Điều 16 và Điều 17, đề xuất có cơ chế chặt chẽ và cẩn trọng về trình tự thẩm tra hồ sơ xin tham gia Cơ chế thử nghiệm, trình tự cấp Giấy chứng nhận tham gia Cơ chế thử nghiệm, thời gian và phạm vi thử nghiệm đối với Giải pháp cho vay ngang hàng so với các Giải pháp Fintech được quy định tại Mục 1, Chương II Dự thảo. | | VNPAY | Liên quan đến thẩm quyền cấp, gia hạn, thu hồi Giấy chứng nhận tham gia thử nghiệm, giấy chứng nhận hoàn thành thử nghiệm: Các Bộ, ngành (trong đó có Bộ Tư pháp) đã có ý kiến và hiện nay dự thảo Nghị định quy định theo hướng thống nhất thẩm quyền cấp, thu hồi Giấy chứng nhận tham gia thử nghiệm cho các giải pháp (bao gồm P2P Lending) là NHNN. Về trình tự đăng ký, cấp giấy chứng nhận thử nghiệm đối với giải pháp cho vay ngang hàng hiện được quy định tương tự các giải pháp Fintech khác; tuy nhiên, điều kiện, tiêu chí và hồ sơ đăng ký có quy định cụ thể và khác biệt so với các giải pháp Fintech khác cho phù hợp với đặc thù của giải pháp cho vay ngang hàng. Bên cạnh đó, trong quá trình giám sát việc thực hiện giải pháp cho vay ngang hàng, NHNN được xem xét thu hồi giấy chứng nhận tham gia cơ chế trong một số trường hợp theo quy định tại Điều 19 dự thảo Nghị định. |
|  | Đề nghị bổ sung quy định về việc điều chỉnh và các vấn đề điều chỉnh phải được cơ quan có thẩm quyền cho phép trong quá trình thử nghiệm tại Chương II hoặc Chương III.  Lý do: Bản chất của viêc thí điểm là thử và chỉnh sửa liên tục. Vì vậy, nếu không có cơ chế cho phép được điều chỉnh thì có thể dẫn đến nhiều bất cập cho doanh nghiệp trong quá trình thực hiện. | | VNPAY | Tiếp thu và hoàn thiện quy định tại dự thảo Nghị định. |
| 6 | Nhất trí với nội dung dự thảo Nghị định. | | Interloan |  |
| 7 | Góp ý về quyền tiếp cận thông tin tín dụng của các công ty Fintech: Dự thảo chưa đề cập tới việc các công ty Fintech có được tiếp cận thông tin tín dụng (TTTD) từ nguồn thông tin chính thống như CIC, PCB hay không. CIC và PCB đều là kênh thông tin đầu vào có giá trị và có tầm quan trọng lớn trong các quyết định cho vay vì sẽ giúp giảm thông tin bất đối xứng giữa người cho vay và người đi vay; cho phép người cho vay đánh giá rủi ro và cải thiện chất lượng tín dụng, tăng khối lượng tín dụng; giảm chi phí cho vay và tăng lợi nhuận; giúp người đi vay tăng tính tiếp cận tín dụng... Hiện nay PCB nhận được rất nhiều các mối quan ngại từ các Tổ chức tín dụng (TCTD) về việc khách hàng của họ sau khi không còn khả năng trả nợ vẫn đi vay vốn được ở Fintech, hoặc các khách hàng tốt do vay Fintech nên bị mất khả năng trả nợ. Vì vậy, PCB đề xuất Dự thảo Nghị định nên quy định một số loại hình công ty Fintech cần phải lấy TTTD từ Trung tâm TTTD được cấp phép để phục vụ công tác quản trị rủi ro, vừa đảm bảo tính ổn định cho hệ thống các công ty Fintech, vừa đảm bảo quá trình kiểm soát rủi ro của hệ thống các TCTD hiện tại. Dự thảo đã đề xuất sáu giải pháp Fintech gồm: Cấp tín dụng trên nền tảng công nghệ; chấm điểm tín dụng, chia sẻ dữ liệu qua giao diện lập trình ứng dụng, cho vay ngang hàng; ứng dụng công nghệ chuỗi khối, sổ cái phân tán trong hoạt động ngân hàng; ứng dụng các công nghệ khác trong hoạt động nghiệp vụ ngân hàng. Đối với giải pháp về Cấp tín dụng trên nền tảng công nghệ và Cho vay ngang hàng thì việc tiếp cận nguồn TTTD được cấp phép để đánh giá khách hàng là điều cấp thiết, do đó việc quy định rõ quyền tiếp cận TTTD cho hai giải pháp này sẽ giúp cho việc vận hành, đánh giá rủi ro được hiệu quả và góp phần ổn định hệ thống các công ty trong Sandbox và cả các TCTD. | | PCB | Thực tế kênh thông tin hiện nay rất đa dạng, việc công ty lựa chọn kênh thông tin, loại thông tin tùy thuộc vào đặc thù riêng, khẩu vị rủi ro của từng Công ty. |
| **II.** | **Ý KIẾN CỤ THỂ** | | | |
|  | **Nội dung dự thảo** | **Nội dung ý kiến** | **Đơn vị ý kiến** | **Tiếp thu, giải trình** |
|  | **CHƯƠNG I** | Đề xuất bổ sung thêm các quyền lợi mà doanh nghiệp được hưởng khi được cấp Giấy chứng nhận tham gia Cơ chế thử nghiệm, trách nhiệm của các bộ ban ngành liên quan trong việc hỗ trợ tổ chức đưa giải pháp thực hiện thử nghiệm sau cấp Giấy chứng nhận, v.v | VNPAY | **Không tiếp thu.** Việc doanh nghiệp được tham gia Cơ chế thử nghiệm đã mang lại cơ hội cho doanh nghiệp trong thử nghiệm giải pháp do mình cung ứng để có thể đánh giá hiệu quả, rủi ro của giải pháp, đồng thời có thể đưa ra các đề xuất, khuyến nghị chính sách, quy định pháp lý với Cơ quan nhà nước có thẩm quyền để hoàn thiện khuôn khổ pháp lý cho việc cung ứng giải pháp chính thức. Do đó NHNN đề xuất giữ nguyên quy định tại dự thảo Nghị định. |
| Điều 1 | **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**  Nghị định này quy định về cơ chế thử nghiệm có kiểm soát đối với:  1. Các giải pháp công nghệ được ứng dụng trong lĩnh vực ngân hàng của các tổ chức tín dụng theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng.  2. Các giải pháp công nghệ được ứng dụng trong lĩnh vực ngân hàng do các công ty công nghệ tài chính độc lập cung ứng ra thị trường. | Đề xuất sửa đổi thuật ngữ *“trong lĩnh vực ngân hàng”* thành *“trong hoạt động ngân hàng và trung gian thanh toán”.*  Lý do: Hiện nay chưa có văn bản pháp lý nào định nghĩa cụ thể về thuật ngữ “*trong lĩnh vực ngân hàng*”, chỉ có Luật các Tổ chức tín dụng 2010 (cùng các văn bản sửa đổi, bổ sung) quy định về “*hoạt động ngân hàng*” và Nghị định 101/2012/NĐ-CP quy định về “*trung gian thanh toán*”. Dựa trên thực tiễn hoạt động của các Công ty Fintech, NAPAS đề xuất mở rộng phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng đối với các giải pháp công nghệ/tổ chức tín dụng/Công ty Fintech có nhu cầu tham gia vào cơ chế thử nghiệm có kiểm soát các ứng dụng công nghệ tài chính trong hoạt động ngân hàng và trung gian thanh toán. | NAPAS | **Không tiếp thu.**  Phạm vi thử nghiệm đã được các Bộ ngành thống nhất và được Chính phủ thông qua.  Theo quy định tại Luật các Tổ chức tín dụng, các cá nhân tổ chức không phải là tổ chức tín dụng không được thực hiện hoạt động ngân hàng trừ một số trường hợp được quy định cụ thể (khoản 2 Điều 8 Luật các tổ chức tín dụng quy định *“Nghiêm cấm cá nhân, tổ chức không phải là tổ chức tín dụng thực hiện hoạt động ngân hàng, trừ giao dịch ký quỹ, giao dịch mua, bán lại chứng khoán của công ty chứng khoán.”*). Thực tế có một số Công ty công nghệ tài chính đang cung ứng các giải pháp hướng đến việc cải tiến sản phẩm, dịch vụ trong lĩnh vực ngân hàng theo phạm vi rộng mà không chỉ giới hạn trong các hoạt động ngân hàng được liệt kê cụ thể tại Luật các Tổ chức tín dụng. |
| Đối với khoản 1 Điều 1: Đề xuất làm rõ đối tượng áp dụng Nghị định có bao gồm “chi nhánh của ngân hàng nước ngoài” hay không.  Lý do: Nội dung dự thảo Nghị định hiện có đề cập đến “chi nhánh của ngân hàng nước ngoài”. Tuy nhiên, “chi nhánh của ngân hàng nước ngoài” không phải “tổ chức tín dụng” theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng. | VNPAY | Đối tượng áp dụng của Nghị định không bao gồm chi nhánh của ngân hàng nước ngoài. Điều 1 và Khoản 2 Điều 3 dự thảo Nghị định đã thể hiện rõ nội dung này. |
| Đối với khoản 2 Điều 1: Đề xuất bỏ cụm từ “độc lập” để tránh bị mâu thuẫn và hạn chế phạm vi áp dụng so với quy định tại khoản 2 Điều 3 về phạm vi hoạt động của Công ty Fintech (cung ứng các giải pháp Fintech một cách độc lập hoặc hợp tác với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài). | VNPAY | **Tiếp thu một phần.** Đã rà soát, điều chỉnh tại dự thảo Nghị định. |
| - Làm rõ hạng mục theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng là đối với “lĩnh vực ngân hàng tại cả khoản 1, 2 Điều 1. Cụ thể: (i) Các giải pháp công nghệ được ứng dụng trong lĩnh vực ngân hàng theo Luật Các tổ chức tín dụng của các tổ chức tín dụng; (ii) Các giải pháp công nghệ được ứng dụng trong nghiệp vụ hoạt động ngân hàng theo Luật Các tổ chức tín dụng do các công ty công nghệ tài chính cung ứng ra thị trường.  - Xem xét tính độc lập đối với Công ty Công nghệ tài chính: Công ty đề xuất NHNN xem xét tính “độc lập” ở đây chỉ nên xác định ở phạm vi “độc lập” với Ngân hàng đã được cấp phép.  Lý do: Nội dung: “theo quy định tại Luật các tổ chức tín dụng” tại khoản 1 Điều 1, có thể gây hiểu lầm: Các giải pháp công nghệ được ứng dụng trong lĩnh vực ngân hàng mà tổ chức tín dụng triển khai đã được quy định tại Luật các tổ chức tín dụng. Điều này có thể chưa phù hợp với tiêu chí giải pháp Fintech được tham gia cơ chế thử nghiệm phải thuộc trường hợp pháp luật chưa quy định, hoặc quy định chưa rõ ràng. Đối với khoản 2 Điều 1, lĩnh vực ngân hàng là phạm vi ngành, do đó khái niệm triển khai chưa được làm rõ trong các quy định liên quan. Vì vậy, nên chăng, cần xác định rõ lĩnh vực ngân hàng ở đây là nghiệp vụ hoạt động ngân hàng theo luật tổ chức tín dụng. | ZION | **Không tiếp thu.** Đã được cụ thể hóa thành 6 lĩnh vực cụ thể tại Điều 6 dự thảo Nghị định.  - Tính “độc lập” ở đây được hiểu theo khía cạnh là cung ứng độc lập, không hợp tác với ngân hàng.  - Quy định tại khoản 1 Điều 1 là phù hợp với tiêu chí giải pháp Fintech được tham gia cơ chế thử nghiệm. Có nhiều hoạt động của Luật Các tổ chức tín dụng có thể chưa rõ ràng và chưa đáp ứng được yêu cầu của tổ chức tín dụng khi ứng dụng công nghệ. |
| Điều 2 | Điều 2. Đối tượng áp dụng 1. Tổ chức tín dụng theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng có nhu cầu tham gia vào Cơ chế thử nghiệm có kiểm soát hoạt động công nghệ tài chínhtrong lĩnh vực ngân hàng.  2. Các công ty công nghệ tài chính có nhu cầu tham gia vào Cơ chế thử nghiệm có kiểm soát hoạt động công nghệ tài chính trong lĩnh vực ngân hàng. | Đề xuất sửa đổi thuật ngữ *“trong lĩnh vực ngân hàng”* thành *“trong hoạt động ngân hàng và trung gian thanh toán”.* | NAPAS | **Không tiếp thu.**  Phạm vi thử nghiệm đã được các Bộ ngành thống nhất và được Chính phủ thông qua.  Theo quy định tại Luật các Tổ chức tín dụng, các cá nhân tổ chức không phải là tổ chức tín dụng không được thực hiện hoạt động ngân hàng trừ một số trường hợp được quy định cụ thể (khoản 2 Điều 8 Luật các tổ chức tín dụng quy định *“Nghiêm cấm cá nhân, tổ chức không phải là tổ chức tín dụng thực hiện hoạt động ngân hàng, trừ giao dịch ký quỹ, giao dịch mua, bán lại chứng khoán của công ty chứng khoán.”*). Thực tế có một số Công ty công nghệ tài chính đang cung ứng các giải pháp hướng đến việc cải tiến sản phẩm, dịch vụ trong lĩnh vực ngân hàng theo phạm vi rộng mà không chỉ giới hạn trong các hoạt động ngân hàng được liệt kê cụ thể tại Luật các Tổ chức tín dụng. Ngoài ra, trung gian thanh toán không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này. |
| Điều 3 | Điều 3. Giải thích từ ngữ Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:  1. Giải pháp công nghệ tài chính (sau đây gọi là giải pháp Fintech) trong lĩnh vực ngân hàng là những đổi mới sáng tạo và hiện đại về dịch vụ tài chính dựa trên ứng dụng công nghệ được áp dụng trong lĩnh vực ngân hàng.  2. Công ty công nghệ tài chính (sau đây gọi là công ty Fintech) là tổ chức không phải là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có giấy phép thành lập hoặc đăng ký kinh doanh hợp pháp trên lãnh thổ Việt Nam, độc lập cung ứng giải pháp Fintech hoặc thông qua hợp tác với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài để cung ứng giải pháp Fintech ra thị trường.  3. Cơ chế thử nghiệm có kiểm soát hoạt động công nghệ tài chínhtrong lĩnh vực ngân hàng (sau đây gọi là Cơ chế thử nghiệm) là một môi trường thử nghiệm hạn chế, bị giới hạn về phạm vi và thời gian hoặc đối tượng khách hàng, trong đó các tổ chức tham gia có thể thử nghiệm các giải pháp Fintech theo quy định tại Nghị định này và chịu sự giám sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.  4. Tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm là tổ chức tín dụng và công ty Fintech đã được Ngân hàng Nhà nước cấp giấy chứng nhận tham gia Cơ chế thử nghiệm.  5. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến Cơ chế thử nghiệm bao gồm các cơ quan quản lý, khách hàng sử dụng giải pháp Fintech và các đối tác hợp tác có liên quan trực tiếp tới giải pháp Fintech của tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm.  6. Cho vay ngang hàng (Peer to peer Lending hay P2P Lending) là hoạt động cho vay trên nền tảng công nghệ được thiết kế và thực hiện dựa trên ứng dụng công nghệ tài chính do công ty cho vay ngang hàng thực hiện với vai trò trung gian kết nối người đi vay với người cho vay.  7. Công ty cho vay ngang hàng là công ty Fintech cung cấp giải pháp cho vay ngang hàng ra thị trường.  8. Giao diện lập trình ứng dụng (Application Programming Interface - API) là giao diện được một hệ thống máy tính cung cấp để cho phép các hệ thống máy tính khác có thể yêu cầu dịch vụ hoặc cho phép dữ liệu có thể được trao đổi qua lại giữa các hệ thống máy tính này.  9. Cấp tín dụng trên nền tảng công nghệ là nghiệp vụ cấp tín dụng theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng được thiết kế và thực hiện dựa trên ứng dụng công nghệ tài chính.  10. Chấm điểm tín dụng (Credit Scoring) là giải pháp ứng dụng hệ thống công nghệ thông tin vào chấm điểm mức độ uy tín tín dụng của một cá nhân, pháp nhân nhằm hỗ trợ quyết định cấp tín dụng.  11. Ứng dụng công nghệ trong hoạt động nghiệp vụ ngân hàng là việc tổ chức tín dụngsử dụng công nghệ số kết hợp với khai thác, phân tích dữ liệu trong quá trình cung ứng các dịch vụ ngân hàng bao gồm nhưng không giới hạn: dịch vụ thanh toán, cấp tín dụng, huy động vốn, theo đó việc đổi mới, đơn giản hóa nghiệp vụ dựa trên ứng dụng công nghệ có thể làm thay đổi một phần hoặc toàn bộ quy trình được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan trong lĩnh vực ngân hàng.  12. Công nghệ chuỗi khối (Blockchain) là công nghệ giúp lưu trữ, truyền tải dữ liệu thông qua một mạng lưới máy tính gồm nhiều nút mạng ngang hàng trong đó mỗi nút mạng đầy đủ đều được tự động đồng bộ một bản sao của các khối Blockchain; các khối được thêm vào Blockchain theo thứ tự thời gian tuyến tính sau khi có được sự đồng thuận tự động bằng phần mềm, được móc xích với nhau và được mã hóa để không thể bị thay đổi.  13. Công nghệ sổ cái phân tán (Distributed Ledger Technology - DLT) là thuật ngữ được dùng đề cập đến các giao thức công nghệ và cơ sở hạ tầng hỗ trợ cho phép các máy tính ở các địa điểm khác nhau trên một mạng lưới đề xuất và xác thực các giao dịch bản ghi đồng thời cập nhật, đồng bộ một cách không thể bị thay đổi các bản ghi dữ liệu trên một mạng máy tính. | Đề xuất bổ sung việc giải thích thuật ngữ “*khách hàng sử dụng giải pháp Fintech*”.  Lý do: Khoản 5 Điều 3 Giải thích từ ngữ có đề cập đến “khách hàng sử dụng giải pháp Fintech” là một trong các chủ thể có liên quan đến Cơ chế thử nghiệm. Đồng thời, Điều 19 cũng đưa ra các quy định về việc bảo vệ khách hàng/người dùng. Tuy nhiên, phạm vi khái niệm “khách hàng sử dụng giải pháp Fintech” chưa có. Do vậy, đề xuất cần bổ sung để tạo hành lang pháp lý rõ ràng cho quá trình cung cấp dịch vụ giữa các chủ thể. | VNPAY | **Tiếp thu.** NHNN đã nghiên cứu, hoàn thiện tại dự thảo Nghị định. |
| Tại khoản 10 Điều 3, đề xuất NHNN bổ sung nội dung Chấm điểm tín dụng (Credit Scoring) là “giải pháp [...] nhằm hỗ trợ quyết định cấp tín dụng/Cho vay ngang hàng”, thay vì chỉ phục vụ cho việc cấp tín dụng của tổ chức tín dụng như dự thảo. | AIRPAY | **Tiếp thu.** NHNN đã nghiên cứu, hoàn thiện tại dự thảo Nghị định. |
| Tại khoản 3 Điều 3, đề xuất bổ sung các nguyên tắc, tiêu chí để xác định các “hạn chế, giới hạn” và làm rõ sự khác biệt giữa tham gia Cơ chế thử nghiệm và không tham gia cơ chế thử nghiệm. | VNPAY | **Không tiếp thu.** Tại dự thảo Nghị định đã quy định rõ các giới hạn thông qua việc quy định thời gian và phạm vi thử nghiệm (Điều 7), cũng như các nguyên tắc, tiêu chí để xét duyệt tham gia Cơ chế thử nghiệm (Điều 5, Điều 9). |
| Tại khoản 8 Điều 3, đề xuất điều chỉnh bổ sung thêm quy định để làm rõ vai trò của giải pháp này trong lĩnh vực ngân hàng, quy định rõ hơn các chủ thể và hành vi.  Bên cạnh đó, đề xuất điều chỉnh định nghĩa về “Giao diện lập trình ứng dụng” như sau: *“Giao diện lập trình ứng dụng (Application Programming Interface, gọi tắt là API) là giao diện được một hệ thống máy tính cung cấp để cho phép các hệ thống khác có thể yêu cầu dịch vụ hoặc cho phép dữ liêu có thể được trao đổi qua lại giữa các hệ thống máy tính này''.*  Lý do: Định nghĩa hiện tại đưa ra khái niệm chung về “Giao diện lập trình ứng dụng” mà không đưa ra mối liên hệ hoặc vai trò của các bên liên quan trong lĩnh vực ngân hàng. Điều này có thể gây khó khăn trong việc xác định thế nào là Giải pháp Fintech về “Chia sẻ dữ liệu qua giao diện lập trình ứng dụng (API)” được quy định tại Điều 7 Dự thảo. | VNPAY | **Tiếp thu.** NHNN đã nghiên cứu, hoàn thiện nội dung này tại dự thảo Nghị định. |
| - Tại khoản 10 Điều 3, đề xuất điều chỉnh cụm từ *“...nhằm hỗ trợ quyết định cấp tín dụng"* thành "... *nhằm hỗ trợ* ***nghiệp vụ cấp tín dụng theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng"***. Đề xuất làm rõ hơn mục đích của việc sử dụng giải pháp chấm điểm tín dụng và phù hợp với cách quy định tại khoản 9 Điều 3 Dự thảo. | VNPAY | **Không tiếp thu.** Cấp tín dụng là hoạt động của ngân hàng theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng. |
|  | Tại Khoản 12 và 13 Điều 3: Khoản 12 và 13 Điều 3 định nghĩa về Công nghệ Blockchain và Công nghệ sổ cái phân tán (DLT). Tuy nhiên công nghệ thường thay đổi rất nhanh, đồng thời nhà nước luôn giữ sự trung lập đối với công nghệ. Việc lựa chọn công nghệ do doanh nghiệp và thị trường quyết định, nhà nước chỉ điều chỉnh trong trường hợp cần thiết nếu có rủi ro. Vì vậy, đề nghị NHNN làm rõ trường hợp nào việc áp dụng các công nghệ này cần thực hiện theo cơ chế thử nghiệm.  Lý do: Điều 7 dự thảo Nghị định liệt kê các giải pháp cụ thể được phép tham gia thử nghiệm có liệt kê việc ứng dụng công nghệ blockchain, DLT. Tuy nhiên, so với các giải pháp Fintech khác thì việc ứng dụng Công nghệ Blockchain và DLT không được giải thích cụ thể trong dự thảo Nghị định. | VNPAY | Trường hợp áp dụng Công nghệ Blockchain được đề cập tại khoản 5 Điều 6 dự thảo Nghị địnhlà trong hoạt động ngân hàng và đáp ứng tiêu chí quy định tại khoản 3 Điều 9 cần được thực hiện theo Cơ chế thử nghiệm. |
|  | Tại khoản 12 Điều 3: Đề xuất điều chỉnh định nghĩa về “Công nghệ chuỗi khối (Blockchain)” như sau: ***“Công nghệ chuỗi khối (Blockchain) là công nghệ giúp lưu trữ, truyền tải dữ liệu thông qua một mạng lưới máy tính gồm nhiều nút mạng ngang hàng trong đó mỗi nút mạng đầy đủ đều được tự động đồng bộ một bản sao của chuỗi khối (đúng thứ tự); các khối được thêm mới vào chuỗi theo thứ tự thời gian tuyến tính, sau khi có được kiểm tra độc lập bằng phần mềm, đồng thuận tự động theo giao thức xác định trước (đã đồng thuận trước đó). Các khối trong chuỗi được móc xích với nhau bằng thuật toán, mã hoả để dữ liệu đã đồng thuận không thể bị thay đổi."***  Lý do: Dữ liệu lấy ra có thể bị thay đổi nhưng dự liệu đã đồng thuận thì không thay đổi được. | VNPAY | **Tiếp thu.** NHNN đã nghiên cứu, hoàn thiện tại dự thảo Nghị định. |
|  | Tại khoản 13 Điều 3: Đề xuất điều chỉnh định nghĩa về “Công nghệ sổ cái phân tán” như sau: *“Công nghệ sổ cái phân tán (Distributed Ledger Technology, goi tắt là DLT) là thuật ngữ được dùng đề cập đến các giao thức công nghệ và cơ sở hạ tầng hỗ trợ cho phép các máy tính khác nhau trên một mạng lưới có thể thực hiện đề xuất, xác thực các bản ghi giao dịch, đồng thuận theo thuật toán xác định trước để đồng thời cập nlỉật, đồng bộ một cách không thể bị thay đổi các bản ghi dữ liệu trên một cơ sở dữ liệu (sổ cái), sổ cái được lưu trữ phân tán trong mạng máy tính."* | VNPAY | **Tiếp thu.** NHNN đã nghiên cứu, hoàn thiện tại dự thảo Nghị định. |
|  |  | - Tại khoản 3 Điều 3, đề nghị sửa đoạn: “…là một môi trường thử nghiệm hạn chế, bị giới hạn về phạm vi và thời gian hoặc đối tượng khách hàng,..” thành “là một môi trường thử nghiệm hạn chế, có thể bị giới hạn về phạm vi, thời gian, đối tượng khách hàng và/hoặc các điều kiện khác, tùy thuộc vào quyết định của Ngân hàng Nhà nước” để phù hợp và thống nhất với các điều khoản về cấp phép Cơ chế thử nghiệm được nêu tại Nghị định.  - Tại khoản 10 Điều 3, đề nghị sửa đoạn *“nhằm hỗ trợ quyết định cấp tín dụng...”* thành *"... nhằm hỗ trợ quyết định cấp tín dụng cho vay và/hoặc các hoạt động tài chính khác"* vì hoạt động cấp tín dụng chỉ áp dụng đối với các tổ chức tín dụng được NHNN cấp phép cho hoạt động cấp tín dụng, trong khi các hoạt động tài chính khác và hoạt động cho vay ngang hàng cũng có thể được sử dụng dịch vụ chấm điểm tín dụng này để hỗ trợ ra quyết định kinh doanh.  - Tại Khoản 6 Điều 3, đề nghị bổ sung định nghĩa về “khách hàng” trong hoạt động cho vay ngang hàng nhằm tạo cơ sở cho các quy định ở các phần sau và làm rõ phạm vi triển khai của dịch vụ hướng tới đối tượng là người dùng cá nhân.  - Tại Khoản 9 Điều 3, đề nghị sửa quy định “cấp tín dụng trên nền tảng công nghệ là nghiệp vụ cấp tín dụng theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng” thành “cấp tín dụng trên nền tảng công nghệ là nghiệp vụ tương tự/như/giống như nghiệp vụ cấp tín dụng do các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng để đảm bao tính logic hơn nữa, vì: cấp tín dụng trên nền tảng công nghệ có thể được công ty Tintech thực hiện, không theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng. | MOCA | **- Không tiếp thu.** Tại dự thảo Nghị định đã quy định rõ các giới hạn thông qua việc quy định thời gian và phạm vi thử nghiệm (Điều 7), thống nhất tại toàn bộ dự thảo Nghị định.  **- Tiếp thu một phần.** Cấp tín dụng là hoạt động đã được theo quy định cụ thể tại Luật Các tổ chức tín dụng. NHNN đã rà soát, hoàn thiện tại dự thảo Nghị định.  **- Tiếp thu.** Bổ sung định nghĩa: *Khách hàng sử dụng giải pháp cho vay ngang hàng bao gồm người đi vay và người cho vay của Công ty cho vay ngang hàng tham gia Cơ chế thử nghiệm.* Về phạm triển khai, tùy thuộc vào đặc thù giải pháp cho vay ngang hàng và đề xuất của Công ty đăng ký thử nghiệm, NHNN sẽ quyết định phạm vi triển khai của giải pháp.  - **Không tiếp thu.** Cấp tín dụng là hoạt động đã được quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng. |
| Điều 4 | Điều 4. Mục tiêu của Cơ chế thử nghiệm 1. Thúc đẩy đổi mới sáng tạo và hiện đại hóa lĩnh vực ngân hàng qua đó hiện thực hóa mục tiêu phổ cập tài chính cho người dân và doanh nghiệp theo hướng minh bạch, thuận tiện, hiệu quả với chi phí thấp.  2. Tạo lập môi trường thử nghiệm nhằm đánh giá rủi ro, chi phí, lợi ích của giải pháp Fintech; hỗ trợ xây dựng, phát triển các giải pháp Fintech phù hợp với nhu cầu thị trường, khung khổ pháp lý, quy định quản lý.  3. Hạn chế rủi ro xảy ra đối với khách hàng khi tham gia sử dụng các giải pháp Fintech tham gia thử nghiệm chưa được quy định trong khung khổ pháp lý, quy định quản lý chính thức.  4. Kết quả triển khai thử nghiệm giải pháp Fintech được sử dụng làm căn cứ thực tiễn để các cơ quan nhà nước có thẩm quyền xây dựng và hoàn thiện khung khổ pháp lý, quy định quản lý liên quan. | Đề xuất NHNN quy định cụ thể hơn về các mục tiêu này. Trường hợp không cụ thể được thì không sử dụng làm tiêu chí xét duyệt như tại khoản 6 Điều 7 dự thảo Nghị định để bảo đảm công khai, minh bạch, tránh lợi dụng hoặc tranh chấp trong quá trình thực hiện.  Lý do: Khoản 6 Điều 7 Dự thảo Nghị định sử dụng các mục tiêu này làm mục tiêu xét duyệt tham gia cơ thử nghiệm. Tuy nhiên, do mục tiêu chung chung, chưa cụ thể, khó áp dụng để đánh giá “ứng dụng các công nghệ khác”. | VNPAY | **- Không tiếp thu.**  Đây là mục tiêu chung và đã được cụ thể hóa tại các điều khoản cụ thể của Nghị định. |
| Điều 5 | **Điều 5. Nguyên tắc xét duyệt tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm**  Để đảm bảo tính công bằng, khách quan, công khai và minh bạch, việc xét duyệt các tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm được thực hiện theo các nguyên tắc cơ bản như sau:  1. Việc được tham gia Cơ chế thử nghiệm không đồng nghĩa với việc tổ chức tham gia thử nghiệm sẽ được cấp Giấy phép hoạt động chính thức hoặc giải pháp Fintech được chính thức công nhận để cung ứng ra thị trường.  2. Các giải pháp Fintech được xem xét tham gia Cơ chế thử nghiệm phải thuộc các lĩnh vực được quy định tại Nghị định này.  3. Số lượng tối đa tổ chức được xét duyệt tham gia Cơ chế thử nghiệm do Ngân hàng Nhà nước quyết định căn cứ vào khả năng xét duyệt hồ sơ và năng lực giám sát trong từng thời kỳ, phù hợp với điều kiện phát triển thực tế của thị trường.  4. Quá trình xét duyệt tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm đảm bảo tính minh bạch về tiêu chí, quy trình đánh giá, lựa chọn. | Tại khoản 3 Điều 5: Đề xuất NHNN quy định cân nhắc bỏ quy định tại khoản 3 Điều 5. Trường hợp không bỏ quy định này thì phải bổ sung các quy định cụ thể để đánh giá “khả năng xét duyệt hồ sơ và năng lực giám sát", công khai số lượng và nguyên tắc xét duyệt trong từng thời kỳ, đảm bảo quyền bình đẳng trước pháp luật của các doanh nghiệp được quy định tại Điều 5 Luật Doanh nghiệp 2020.  Lý do: Việc giới hạn tối đa tổ chức được xét duyệt dẫn đến hạn chế việc đổi mới sáng tạo và áp dụng các giải pháp cũng như cản trở sự cạnh tranh của các Công ty Fintech. Bên cạnh đó việc quy định số lượng tối đa còn có thể gây khó khăn cho doanh nghiệp tiếp cận Cơ chế thử nghiệm dẫn tới tình trạng chạy đua để được cấp phép gây hiện tượng tiêu cực. | VNPAY | **- Tiếp thu một phần.**  Đây là Chính sách đã được trình tại Hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định và đã được Chính phủ thông qua.  - Đây là lĩnh vực mới, Cơ quan quản lý chưa có đội ngũ quản lý chính thức và tập trung cho lĩnh vực này. |
| Điều 6 | **Điều 6. Nguyên tắc đối xử đối với các tổ chức không tham gia Cơ chế thử nghiệm**  Đối với tổ chức tín dụng, công ty Fintech không có nhu cầu tham gia Cơ chế thử nghiệm hoặc không được tham gia Cơ chế thử nghiệm do không đáp ứng đầy đủ các tiêu chí tham gia Cơ chế thử nghiệm theo quy định tại Nghị định này, các tổ chức này hoạt động và tuân thủ theo các quy định của pháp luật hiện hành. | Đề nghị quy định rõ các tổ chức không tham gia cơ chế thử nghiệm thì có được tiếp tục cung ứng các giải pháp này hay không.  Lý do: Do pháp luật chưa có quy định hoặc quy định chưa đầy đủ hoặc chưa đáp ứng điều kiện nên cần cơ chế thử nghiệm. Vì vậy, việc quy định “cức tổ chức này được hoạt động và tuân thủ theo các quy định của pháp luật hiện hành" là không hợp lý. | VNPAY | Các tổ chức này là doanh nghiệp được hình thành hợp pháp theo Luật Doanh nghiệp và được làm những điều mà pháp luật không cấm. |
| Điều 7 | Điều 7. Các giải pháp Fintech trong lĩnh vực ngân hàng được phép thử nghiệm tại Cơ chế thử nghiệm Các giải pháp Fintech trong lĩnh vực ngân hàng được phép thử nghiệm tại Cơ chế thử nghiệm gồm những lĩnh vực như sau:  1. Cấp tín dụng trên nền tảng công nghệ.  2. Chấm điểm tín dụng.  3. Chia sẻ dữ liệu qua giao diện lập trình ứng dụng (API).  4. Cho vay ngang hàng (P2P Lending).  5. Ứng dụng công nghệ chuỗi khối, sổ cái phân tán (Blockchain Technology, DLT) trong hoạt động ngân hàng.  6. Ứng dụng các công nghệ khác trong hoạt động nghiệp vụ ngân hàng, triển khai mô hình hợp tác kinh doanh đổi mới sáng tạophù hợp với mục tiêu của Cơ chế thử nghiệm quy định tại Điều 4 Nghị định này. | Đề xuất sửa đổi thuật ngữ *“trong lĩnh vực ngân hàng”* thành *“trong hoạt động ngân hàng và trung gian thanh toán”.* | NAPAS | **Không tiếp thu.** Theo quy định tại Luật các Tổ chức tín dụng, các cá nhân tổ chức không phải là tổ chức tín dụng không được thực hiện hoạt động ngân hàng trừ một số trường hợp được quy định cụ thể (khoản 2 Điều 8 Luật các tổ chức tín dụng quy định *“Nghiêm cấm cá nhân, tổ chức không phải là tổ chức tín dụng thực hiện hoạt động ngân hàng, trừ giao dịch ký quỹ, giao dịch mua, bán lại chứng khoán của công ty chứng khoán.”*). Thực tế có một số Công ty công nghệ tài chính đang cung ứng các giải pháp hướng đến việc cải tiến sản phẩm, dịch vụ trong lĩnh vực ngân hàng theo phạm vi rộng mà không chỉ giới hạn trong các hoạt động ngân hàng được liệt kê cụ thể tại Luật các Tổ chức tín dụng. |
| Điều 7 ghi nhận giải pháp “Chia sẻ dữ liệu qua giao diện lập trình ứng dụng (API)”: cần hướng dẫn chi tiết về giới hạn phạm vi chia sẻ dữ liệu qua API phải xin phép thử nghiệm. Bởi vì, API là một kỹ thuật rất cơ bản, phổ thông trong công nghệ thông tin không chỉ riêng trong lĩnh vực Fintech, việc quy định chung chung mà không giới hạn phạm vi (ví dụ: ngành ngân hàng, tín dụng, khách hàng...) sẽ rất khó phân định được trường hợp nào phải xin phép thử nghiệm và trường hợp nào đương nhiên được triển khai mà không phải xin phép thử nghiệm. | PAYOO | **Không tiếp thu.** Sandbox chưa phải quy định pháp lý chính thức nên chưa thể quy định chi tiết về giới hạn phạm vi chia sẻ dữ liệu qua API phải xin phép thử nghiệm. Sau khi theo dõi, tổng kết quá trình thử nghiệm, Cơ quan quản lý sẽ đưa ra những quy định cụ thể. |
| Dự thảo Nghị định quy định theo hướng liệt kê chi tiết nhóm lĩnh vực Fintech được tham gia thử nghiệm. Tuy nhiên, các lĩnh vực được liệt kê trong dự thảo cũng không bao quát hết các hoạt động của Fintech đang tồn tại trên thực tế hoặc chưa hoàn toàn chính xác. Vì vậy, đề nghị Ngân hàng nhà nước rà soát, bổ sung các lĩnh vực khác để đáp ứng nhu cầu thị trường. Trong khi đó, quy định mở tại khoản 6 Điều 7 lại quá chung chung dẫn đến có sự khác nhau về điều kiện tham gia và cách thức xét duyệt giữa các giải pháp Fintech.  Lý do: Các lĩnh vực Fintech được tham gia Cơ chế thử nghiệm cần được rà soát, hoàn thiện bảo đảm chính xác, rõ ràng, phù hợp với năng lực quản lý và nhu cầu phát triển của thị trường. Ví dụ: Chia sẻ dữ liệu qua giao diện lập trình ứng dụng (API) là lĩnh vực hay phương thức, ứng dụng các công nghệ mới, công nghệ cao, giải pháp đổi mới sáng tạo là gì? Công nghệ Blockchain, DLT là công nghệ mà không phải là giải pháp Fintech. | VNPAY | **Không tiếp thu.** Đây là chính sách đã được Chính phủ phê duyệt, bên cạnh đó, mục tiêu của Nghị định không hướng đến tất cả các hoạt động Fintech khác mà chỉ tập trung vào các hoạt động Fintech trong một số lĩnh vực hoạt động ngân hàng quan trọng, cơ bản. Bên cạnh đó, các chính sách này đã được khảo sát và cho thấy mức độ cần thiết, ưu tiên, phù hợp với nhu cầu thị trường. |
|  |  | Khoản 6 Điều 7: Để giải quyết những hiểu lầm có thể gặp, Công ty đề xuất làm rõ khái niệm “hoạt động nghiệp vụ ngân hàng”. Đồng thời bổ sung vào quy định tại Điều 3 Dự thảo. Nên chăng xác định các hoạt động nghiệp vụ ngân hàng này là các hoạt động được điều chỉnh bởi Luật các tổ chức tín dụng các quy định hướng dẫn thi hành.  Lý do: Qua tra cứu các quy định pháp luật hiện hành, hiện nay, Công ty nhận thấy khái niệm “hoạt động nghiệp vụ ngân hàng” chưa được có các quy định pháp luật trong lĩnh vực ngân hàng định nghĩa, làm rõ.  Tại khoản 12 Điều 4 Luật các tổ chức tín dụng có quy định, về nghiệp vụ trong khái niệm “hoạt động ngân hàng”. Tuy nhiên, chưa rõ các hoạt động nghiệp vụ ngân hàng tại khoản này có được xác định là các nghiệp vụ của “Hoạt động ngân hàng tại khoản 12 Điều 4 Luật các tổ chức tín dụng hay không.  Việc chưa làm rõ các hoạt động này dễ dẫn đến những hiểu lầm trong quá trình triển khai, hoặc gây nhầm lẫn sang các nghiệp vụ pháp luật liên quan khác điều chỉnh (Ví dụ: Mạng xã hội có một số tính năng cho phép giao tiếp giữa người dùng, và tích hợp tài khoản ngân hàng, user có thể sử dụng để chuyển tiền, nhắn tin cho vay,.... mặc dù hoạt động của nhà cung cấp là Mạng xã hội, nhưng dễ hiểu lầm sang sử dụng công nghệ để cung cấp dịch vụ cho vay ngang hàng, trong khi nghiệp vụ này đơn thuần là chuyển khoản giữa những người dùng.  Điều đó, dẫn đến việc áp dụng quy định có thể hiểu nhầm sang cả các công ty kinh doanh thương mại điện tử, thậm chí là mạng xã hội,… | ZION | **Tiếp thu.** NHNN đã nghiên cứu, hoàn thiện tại dự thảo Nghị định. Bên cạnh đó, các hoạt động nghiệp vụ ngân hàng chính là các hoạt động được điều chỉnh bởi Luật các tổ chức tín dụng. |
| Điều 8 | **Điều 8. Thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ, thẩm định, cấp và thu hồi Giấy chứng nhận tham gia thử nghiệm**  Ngân hàng Nhà nước là cơ quan đầu mối tiếp nhận hồ sơ đăng ký tham gia Cơ chế thử nghiệm; phối hợp với các Bộ liên quan để thẩm định hồ sơ đăng ký tham gia Cơ chế thử nghiệm (sau đây gọi là hồ sơ); cấp và thu hồi Giấy chứng nhận tham gia thử nghiệm. | Đề xuất thống nhất thuật ngữ: “Giấy chứng nhận tham gia Cơ chế thử nghiệm”.  Lý do: Trong Dự thảo mới đang không sử dụng thống nhất thuật ngữ này, tại Điều 8 đang sử dụng thuật ngữ “Giấy chứng nhận tham gia thử nghiệm” trong khi tại các Điều khoản khác sử dụng thuật ngữ “ Giấy chứng nhận tham gia Cơ chế thử nghiệm” | VNPAY | **Tiếp thu.** NHNN đã rà soát, sử dụng thống nhất cụm từ “Giấy chứng nhận tham gia Cơ chế thử nghiệm” tại dự thảo Nghị định. |
|  | **CHƯƠNG II** | Đối với Mục 2 Chương II về Giải pháp cho vay ngang hàng, giải pháp cho vay ngang hàng được điều chỉnh riêng và có bộ tiêu chí cụ thể trong Mục 2 Chương 2 Dự Thảo Nghị Định cho doanh nghiệp đăng ký tham gia thử nghiệm giải pháp nhưng với các giải pháp fintech khác tham gia sandbox thì không có bộ tiêu chí tương tự. Đề xuất NHNN xem xét nghiên cứu bổ sung bộ tiêu chí tương tự cho các giải pháp fintech khác. | AIRPAY | **Không tiếp thu.**  Qua nghiên cứu, rà soát Cơ chế quản lý thử nghiệm Fintech (Sandbox) của các quốc gia trên thế giới (như Vương Quốc Anh, Singapore, Thái Lan, In-đô-nê-xi-a...), NHNN thấy rằng đến nay chưa có quốc gia nào xây dựng các bộ tiêu chí độc lập cho từng lĩnh vực thử nghiệm trong Sandbox mà chỉ thiết kế (một) **01** bộ tiêu chí áp dụng chung cho các tổ chức thử nghiệm. Tuy nhiên, căn cứ thực tiễn thị trường Fintech tại Việt Nam, nhận thức chung và sự đồng thuận của Bộ ngành liên quan về mục tiêu, yêu cầu quản lý đối với các loại hình hoạt động Fintech, NHNN đã tiếp thu, thiết kế nội dung liên quan tại Nghị định theo hướng *quy định các tiêu chí chung với các giải pháp tham gia Cơ chế thử nghiệm và một số điều kiện cụ thể đối với giải pháp thuộc lĩnh vực đặc thù (hoạt động cho vay ngang hàng - P2P Lending)*.  Đây là các ***tiêu chí khung***, ***có*** ***tính*** ***nguyên tắc và thống nhất chung***. Việc quy định các tiêu chí như nêu trên là phù hợp với bản chất của cách thức tiếp cận pháp lý Sandbox, đó là *quản lý dựa theo nguyên tắc (principles-based) thay vì theo các quy tắc cụ thể (rule-based) của cách thức tiếp cận pháp lý truyền thống*. Các giải pháp, dịch vụ Fintech muốn thử nghiệm đều là các dịch vụ, giải pháp mới mà các cơ quan quản lý chưa thể nắm bắt, nhận diện được đầy đủ bản chất, đặc điểm hay hồ sơ rủi ro để có thể xác định chính xác yêu cầu về điều kiện hay tiêu chí ngay tại thời điểm thử nghiệm. Việc lựa chọn, đưa ra các tiêu chí này để đảm bảo mục tiêu của Cơ chế quản lý thử nghiệm được quy định tại Điều 4 dự thảo Nghị định. |
| Điều 9 | Điều 9. Điều kiện và tiêu chí tham gia Cơ chế thử nghiệm Tổ chức tín dụng và công ty Fintech được xem xét cấp Giấy chứng nhận tham gia Cơ chế thử nghiệm khi đáp ứng các điều kiện và tiêu chí như sau:  1. Là pháp nhân được thành lập và hoạt động hợp pháp trên lãnh thổ Việt Nam; không đang trong quá trình chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi, giải thể, phá sản theo quyết định đã được ban hành; không thuộc nhóm tổ chức tín dụng đang được kiểm soát đặc biệt theo Luật Các tổ chức tín dụng.  2. Người đại diện theo pháp luật, Tổng Giám đốc (Giám đốc) của tổ chức đề nghị tham gia Cơ chế thử nghiệm phải có trình độ chuyên môn hoặc kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc lĩnh vực phụ trách.  Đội ngũ cán bộ thực hiện giải pháp Fintech thử nghiệm có trình độ chuyên môn về lĩnh vực đảm nhiệm.  3. Giải pháp Fintech đề nghị tham gia Cơ chế thử nghiệm thỏa mãn các tiêu chí:  a) Là giải pháp mà nội dung kỹ thuật và nghiệp vụ hoàn toàn chưa được quy định tại bất kỳ văn bản quy phạm pháp luật nào hoặc quy định pháp lý hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể, rõ ràng cho việc triển khai, áp dụng;  b) Là giải pháp có tính đổi mới sáng tạo, đem lại lợi ích, giá trị gia tăng cho người sử dụng dịch vụ tại Việt Nam, đặc biệt là các giải pháp hỗ trợ và thúc đẩy mục tiêu phổ cập tài chính;  c) Là giải pháp đã thiết kế, xây dựng được khung quản lý rủi ro, hạn chế tác động tiêu cực tới hệ thống ngân hàng và hoạt động ngân hàng - tiền tệ - ngoại hối; đã xây dựng phương án hợp lý về xử lý, khắc phục các rủi ro xảy ra trong quá trình thử nghiệm phù hợp;  d) Là giải pháp đã được tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm thực hiện các biện pháp rà soát, đánh giá đầy đủ, trên các khía cạnh hoạt động và chức năng, công dụng, tính hữu ích;  e) Là giải pháp có tính khả thi để có thể cung ứng ra thị trường sau khi hoàn thành quá trình thử nghiệm. | - Tại khoản 2 Điều 9, đề nghị quy định rõ thế nào là “có trình độ chuyên môn trong quản trị kinh doanh hoặc lĩnh vực phụ trách”, “có trình độ chuyên môn về lĩnh vực đảm nhiệm”? Cần quy định cụ thể tài liệu chứng minh trình độ chuyên môn (VD: bằng tốt nghiệp cao đẳng/đại học, số năm kinh nghiệm…) để đảm bảo tính rõ ràng trong việc áp dụng. | NAPAS | **Tiếp thu.** NHNN đã nghiên cứu, rà soát, điều chỉnh trong quá trình hoàn thiện dự thảo Nghị định. |
| - Đề xuất bỏ điểm d khoản 3 Điều 9 do nội dung điểm này đã được quy định tại các điểm khác trong Khoản 3 Điều 9. Việc chứng minh được đáp ứng các quy định khác tại Khoản 3 Điều 9 đồng nghĩa với việc đáp ứng quy định tại điểm d này. | NAPAS | **Không tiếp thu.** Các tiêu chí này đã được Chính phủ phê duyệt, bên cạnh đó, quy định như tại dự thảo Nghị định đã đảm bảo sự rõ ràng khi áp dụng. |
| Tại Điều 9 đề cập đến đối tượng người đại diện theo pháp luật, Tổng giám đốc (giám đốc) phải có “trình độ chuyên môn” hoặc “kinh nghiệm thực tế”: chỉ nên quy định giới hạn điều kiện về trình độ chuyên môn và cần chi tiết trình độ chuyên môn cấp độ nào để có cơ sở định lượng khi xét duyệt điều kiện, tiêu chí về nhân sự. | PAYOO | **Tiếp thu một phần.** NHNN đã nghiên cứu, rà soát, điều chỉnh để hoàn thiện dự thảo Nghị định. |
| - Liên quan đến khoản 2 Điều 9, các nội dung trong cơ chế thử nghiệm là nội dung mới và chưa phổ biến rộng rãi trên thị trường nên quy định “Đội ngũ cán bộ thực hiện giải pháp Fintech thử nghiệm có trình độ chuyên môn về lĩnh vực đảm nhiệm” có thể gây khó khăn trong việc tìm kiếm nhân sự có kinh nghiệm về giải pháp Fintech được phép thử nghiệm. Công ty đề xuất quý NHNN chỉnh sửa thành “Đội ngũ cán bộ thực hiện giải pháp Fintech thử nghiệm có trình độ chuyên môn về công nghệ thông tin, quản trị kinh doanh hoặc lĩnh vực đảm nhiệm”.  - Đề xuất bổ sung điều kiện đăng ký tham gia lại Cơ chế thử nghiệm đối với các giải pháp Fintech đã bị từ chối tham gia hoặc đã dừng thử nghiệm. | AIRPAY | **- Tiếp thu.** NHNN đã nghiên cứu, rà soát, điều chỉnh trong quá trình hoàn thiện dự thảo Nghị định.  **- Không tiếp thu.** Dự thảo Nghị định đã quy định rõ điều kiện đăng ký tham gia Cơ chế thử nghiệm. Trường hợp đăng ký tham gia lại, đơn vị đăng ký tham gia vẫn phải đáp ứng các điều kiện này. |
|  | Tại khoản 2, đề nghị làm rõ tiêu chí cụ thể để đánh giá mức độ phù hợp/đáp ứng của các đối tượng đối với điều kiện này. | VNPAY | **Tiếp thu.** NHNN đã nghiên cứu, rà soát, điều chỉnh trong quá trình hoàn thiện dự thảo Nghị định. |
|  | Đối với điểm a Khoản 3 Điều 9: Đề xuất xem xét điều chỉnh lại nội dung này. Do theo yêu cầu “Là giải pháp mà nội dung kỹ thuật, nghiệp vụ và pháp lý hoàn toàn chưa được quy định tại bất kỳ văn bản quy phạm pháp luật nào hoặc quy định pháp lý hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể, rõ ràng cho việc triển khai, áp dụng” là chưa phù hợp theo quy định của pháp luật hiện hành. Cụ thể, hoạt động kinh doanh được chia thành 03 nhóm: (i) bị cấm; (ii) kinh doanh có điều kiện; (iii) ngành nghề được tự do kinh doanh. Tuy nhiên, nếu áp dụng quy định hiện hành thì có thể không thúc đẩy được việc áp dụng công nghệ tài chính trong lĩnh vực ngân hàng. Vì thế Nghị định cần giải quyết các vấn đề pháp lý liên quan. Ví dụ, tạm thời không áp dụng hoặc hạ thấp điều kiện kinh doanh so với pháp luật hiện hành với phạm vi không gian/thời gian/giao dịch nhất định; hoặc đặt thêm điều kiện nhất định để được cung cấp sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ tài chính trong lĩnh vực ngân hàng... Do đó, kinh nghiệm một số nước đặt ra yêu cầu có ý kiến pháp lý của cơ quan, tổ chức có chuyên môn trong việc xét duyệt, triển khai thí điểm. | VNPAY | **Không tiếp thu.**  Hoạt động ngân hàng là hoạt động kinh doanh có điều kiện được tiến hành bởi chủ thể được NHNN cấp phép và chấp thuận hoạt động đối với một số hoạt động, nghiệp vụ cụ thể. Một số quy định về hoạt động, nghiệp vụ ngân hàng (như cấp tín dụng, mở tài khoản thanh toán...) mặc dù không phải là điều kiện kinh doanh, nhưng vẫn được quy định, hướng dẫn tại các văn bản quy phạm pháp luật để đảm bảo tính thực thi rộng rãi, sự an toàn trong cung ứng các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.  Hiện nay, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động ngân hàng cũng đã tương đối đầy đủ khi quy định, hướng dẫn về các quy trình, nghiệp vụ cơ bản của hoạt động ngân hàng. Tuy nhiên, do ban hành từ lâu trong khi các công nghệ mới, các mô hình kinh doanh mới, giải pháp sáng tạo lại liên tục xuất hiện, thay đổi nhanh gắn với xu hướng phát triển Fintech, bởi vậy các quy định hiện hành chưa thay đổi, thích ứng nhanh để tạo cơ sở vững chắc, đầy đủ để cho phép triển khai thuận lợi giải pháp Fintech trong hoạt động ngân hàng. Bên cạnh đó, việc triển khai các giải pháp đổi mới sáng tạo có thể kéo theo sự thay đổi, điều chỉnh mô hình nghiệp vụ, cách thức cung ứng dịch vụ, tiếp cận và tương tác với khách hàng,... và có thể phát sinh các rủi ro. Chính vì vậy, Nghị định được xây dựng với mục tiêu cho phép ứng dụng, triển khai các giải pháp Fintech trong hoạt động ngân hàng theo cách thức có sự giám sát, kiểm soát, thông qua đó, NHNN và các Bộ liên quan có cơ hội để quan sát, hiểu rõ việc ứng dụng các giải pháp đó trong hoạt động ngân hàng từ đó có thông tin, dữ liệu và kinh nghiệm để đánh giá lợi ích-chi phí, cơ hội và rủi ro v.v..để hoàn thiện, xây dựng khuôn khổ pháp lý chính thức đối với các hoạt động này. Mặt khác, việc hoàn thiện khuôn khổ pháp lý sẽ được nghiên cứu, tiến hành trên cơ sở tổng kết, đánh giá quá trình tham gia Cơ chế thử nghiệm theo hướng ban hành quy định pháp lý mới, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ các quy định pháp lý hiện hành theo hướng cho phép ứng dụng các giải pháp Fintech dựa trên công nghệ mới. |
|  |  | Tại Điều 9, đề nghị sửa “Tổ chức tín dụng và công ty Fintech được xem xét..." thành "Tổ chức tín dụng, công ty Fintech được xem xét..." nhằm thể hiện rõ hơn 02 đối tượng này được xem xét độc lập trong trường hợp này. | MOCA | **Tiếp thu.** NHNN đã điều chỉnh tại dự thảo Nghị định. |
| Điều 10 | Điều 10. Hồ sơ đăng ký 1. Hồ sơ đăng ký tham gia Cơ chế thử nghiệm gồm một (01) bản gốc và năm (05) bản sao, mỗi bộ Hồ sơ bao gồm các tài liệu cụ thể như sau:  a) Đơn đăng ký tham gia theo mẫu tại Phụ lục 01 ban hành kèm Nghị định này.  b) Bản sao Giấy phép thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do cơ quan nhà nước có thẩm quyền tại Việt Nam cấp.  c) Tài liệu mô tả về cơ cấu tổ chức và quản lý điều hành trong trường hợp triển khai giải pháp Fintech đăng ký thử nghiệm.  d) Đề án mô tả giải pháp Fintech được đăng ký tham gia Cơ chế thử nghiệm, trong đó thể hiện mô hình mô phỏng giải pháp hoặc bản trình diễn thử (Demo); phạm vi và thời gian dự kiến thử nghiệm; nhóm khách hàng tiềm năng; việc đáp ứng đầy đủ các tiêu chí quy định tại Điều 9 được hướng dẫn cụ thể tại Phụ lục 02 ban hành kèm Nghị định này; và các quy định khác được quy định tại Nghị định này.  đ) Kế hoạch thử nghiệm, bao gồm: phạm vi và thời gian thử nghiệm, kinh phí dự kiến cho hoạt động thử nghiệm, nguồn lực tham gia thử nghiệm, các nguyên tắc trao đổi, báo cáo với Ngân hàng Nhà nước trong giai đoạn thử nghiệm và kế hoạch chấm dứt thử nghiệm.  2. Nguyên tắc lập và gửi hồ sơ đăng ký tham gia Cơ chế thử nghiệm  a) Hồ sơ phải được lập bằng tiếng Việt. Trường hợp văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp, công chứng hoặc chứng nhận phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam (trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định pháp luật về hợp pháp hóa lãnh sự) và dịch ra tiếng Việt;  b) Các bản sao hồ sơ, tài liệu phải là bản sao có chứng thực hoặc bản sao cấp từ sổ gốc hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu theo quy định của pháp luật, trường hợp hồ sơ gửi trực tuyến thì thực hiện theo quy định về thủ tục hành chính trên môi trường điện tử. Sơ yếu lý lịch cá nhân tự lập được chứng thực chữ ký theo quy định của pháp luật;  c) Kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước nhận thành phần hồ sơ hợp lệ, tổ chức đăng ký tham gia Cơ chế thử nghiệm được phép gửi giải trình và hoàn thiện hồ sơ tối đa hai (02) lần. | Đối với điểm c Khoản 2 Điều 10: Đề xuất bỏ điều khoản này hoặc bổ sung quy định: “Trường hợp yêu cầu tồ chức đăng ký tham gia Cơ chế thử nghiệm giải trình hoặc bổ sung tài liệu, Ngân hàng nhà nước phải thông báo bằng văn bản nội dung cần giải trình, bổ sung cho tổ chức đăng ký tham gia Cơ chế thử nghiệm giải trình. Thông báo phải ghi toàn bộ yêu cầu giải trình, bổ sung đối với hồ sơ đăng ký tham gia Cơ chế thử nghiệm”.  Lý do: Nội dung điều khoản dự thảo hiện có thể dẫn đến tình trạng quan liêu, tiêu cực trong quá trình cơ quan nhà nước thẩm định hồ sơ đăng ký tham gia Cơ chế thử nghiệm. Do đó, đề xuất bỏ điều khoản này hoặc cần quy định ràng buộc thêm trách nhiệm của cơ quan nhà nước trong việc yêu cầu tổ chức đăng ký tham gia Cơ chế thử nghiệm bổ sung, giải trình hồ sơ. | VNPAY | NHNN đã nghiên cứu, tiếp thu trong quá trình hoàn thiện dự thảo Nghị định. Bên cạnh đó, Sandbox là một cơ chế pháp lý mới, thử nghiệm đối với cả cơ quan quản lý. Do cơ quan quản lý cũng chưa đủ kiến thức và kinh nghiệm thực tế để hiểu về lĩnh vực này. Do đó, cần có sự trao đổi giữa cơ quan quản lý và tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm. |
| Điều 11 | Điều 11. Trình tự cấp Giấy chứng nhận tham gia Cơ chế thử nghiệm 1. Tổ chức đăng ký tham gia Cơ chế thử nghiệm nộp hồ sơ quy định tại Điều 10 Nghị định này trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Một cửa Ngân hàng Nhà nước hoặc nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công Ngân hàng Nhà nước.  2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản xác nhận đã nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu các tổ chức đăng ký tham gia Cơ chế thử nghiệm bổ sung thành phần hồ sơ. Thời gian bổ sung, hoàn thiện thành phần hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.  Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu bổ sung thành phần hồ sơ nhưng tổ chức đăng ký tham gia Cơ chế thử nghiệm không gửi bổ sung đầy đủ thành phần hồ sơ thì Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lại hồ sơ cho tổ chức.  3. Trong thời hạn 60 ngày làm việc kể từ ngày gửi văn bản xác nhận đã nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước phối hợp với các Bộ liên quan tiến hành thẩm định hồ sơ bao gồm cả việc kiểm tra tại chỗ (nếu cần thiết).  Trên cơ sở nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi lấy ý kiến tham gia góp ý của các Bộ liên quan. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản đề nghị, các Bộ liên quan gửi Ngân hàng Nhà nước văn bản tham gia ý kiến đối với hồ sơ.  Trường hợp hồ sơ cần giải trình, làm rõ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức giải trình, hoàn thiện hồ sơ trong thời hạn 10 ngày làm việc. Sau thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu giải trình, hoàn thiện hồ sơ mà tổ chức không gửi lại văn bản giải trình, bổ sung hồ sơ thì Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lại hồ sơ cho tổ chức. Thời gian giải trình, hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.  Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản giải trình, hồ sơ bổ sung, NHNN sẽ tiến hành thẩm định lại hồ sơ bao gồm cả việc xin ý kiến các Bộ liên quan (nếu cần thiết).  4. Sau khi thời gian thẩm định quy định tại khoản 4 Điều này kết thúc, Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy chứng nhận tham gia Cơ chế thử nghiệm đối với tổ chức có hồ sơ đáp ứng các điều kiện và tiêu chí theo quy định tại Điều 9 Nghị định này. Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.  5. Trong thời hạn 90 ngày làm việc, kể từ ngày được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy chứng nhận tham gia Cơ chế thử nghiệm, tổ chức tiến hành thử nghiệm giải pháp Fintech trong phạm vi được quy định tại Điều 12 Nghị định này. | - Tại khoản 3 Điều 11:  + Đề xuất làm rõ trong quy định: “Trường hợp hồ sơ cần giải trình, làm rõ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức giải trình, hoàn thiện hồ sơ ***trong thời hạn 10 ngày làm việc***.” thì thời hạn 10 ngày làm việc này tính từ thời điểm nào. Đảm bảo tính rõ ràng, đầy đủ của quy định.  + Đề xuất bỏ quy định: “***Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản giải trình, hồ sơ bổ sung, NHNN sẽ tiến hành thẩm định lại hồ sơ bao gồm cả việc xin ý kiến các Bộ liên quan (nếu cần thiết).”*** do Khoản 3 Điều 11 Dự thảo đã có quy định: “*Trong thời hạn 60 ngày làm việc kể từ ngày gửi văn bản xác nhận đã nhận đầy đủ hồ sơ hợp lập, Ngân hàng Nhà nước phối hợp với các Bộ liên quan tiến hành thẩm định hồ sơ bao gồm cả việc kiểm tra tại chỗ (nếu cần thiết)*”. Do vậy, việc bổ sung thời hạn thẩm định 30 ngày làm việc như quy định tại Dự thảo sẽ gây mâu thuẫn và chồng chéo giữa các khoảng thời gian thẩm định. | NAPAS | **- Tiếp thu.** NHNN đã rà soát, bổ sung trong quá trình hoàn thiện dự thảo Nghị định.  - **Không tiếp thu.** Qua rà soát, việc quy định như tại khoản 3 Điều 11 dự thảo Nghị định không gây mâu thuẫn và chồng chéo giữa các khoảng thời gian thẩm định. |
| - Tại khoản 3 Điều 11:  Theo Dự thảo thì quá trình thẩm định hồ sơ đăng ký tham gia Cơ chế thử nghiệm của Ngân hàng Nhà nước là hơn 03 tháng (100 ngày làm việc). Trong bối cảnh ngành công nghệ và ngân hàng liên tục có những phát triển mang tính đột phá, việc rút ngắn thời gian thẩm định cho phép các giải pháp Fintech được ứng dụng kịp thời, bắt kịp xu hướng và đáp ứng nhu cầu của khách hàng trong nước. Chính vì vậy, AirPay đề xuất rút ngắn thời gian thẩm định cho các giải pháp có mức độ rủi ro thấp, và đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành. Cụ thể, đối với các giải pháp do Tổ chức tín dụng hợp tác cùng công ty Fintech triển khai, thời gian thẩm định nên được rút ngắn. hơn thời gian thẩm định các Theo Dự thảo thì quá trình thẩm định hồ sơ đăng ký tham gia Cơ chế thử nghiệm của Ngân hàng Nhà nước là hơn 03 tháng (100 ngày làm việc). Trong bối cảnh ngành công nghệ và ngân hàng liên tục có những phát triển mang tính đột phá, việc rút ngắn thời gian thẩm định cho phép các giải pháp Fintech được ứng dụng kịp thời, bắt kịp xu hướng và đáp ứng nhu cầu của khách hàng trong nước.  Chính vì vậy, AirPay đề xuất rút ngắn thời gian thẩm định cho các giải pháp có mức độ rủi ro thấp, và đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành. Cụ thể, đối với các giải pháp do Tổ chức tín dụng hợp tác cùng công ty Fintech triển khai, thời gian thẩm định nên được rút ngắn hơn thời gian thẩm định các giải pháp do công ty Fintech cung cấp độc lập do hoạt động của các Tổ chức tín dụng đã được kiểm soát toàn diện bởi hành lang pháp lý tương đối hoàn thiện, với chế độ báo cáo định kỳ chặt chẽ.của các Tổ chức tín dụng đã được kiểm soát toàn diện bởi hành lang pháp lý tương đối hoàn thiện, với chế độ báo cáo định kỳ chặt chẽ. | AIRPAY | **Không tiếp thu.** Các quy định được xây dựng phải đảm bảo công bằng, khách quan, minh bạch đối với tất cả các chủ thể. Tuy nhiên, căn cứ vào hồ sơ, năng lực của tổ chức đăng ký tham gia Cơ chế thử nghiệm mà thời gian thẩm định của cơ quan có thẩm quyền có thể rút ngắn hơn so với thời gian quy định tối đa. |
| Điều 12 | Điều 12. Thời gian và phạm vi thử nghiệm 1. Thời gian thử nghiệm các giải pháp Fintech tối đa hai (02) năm tùy từng giải pháp và lĩnh vực cụ thể, tính từ thời điểm được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy chứng nhận tham gia Cơ chế thử nghiệm. Một số yếu tố được cân nhắc để quyết định thời gian thử nghiệm bao gồm nhưng không giới hạn mức độ phức tạp, tính đột phá sáng tạo của giải pháp trong lĩnh vực Fintech có liên quan và đề xuất cụ thể của tổ chức đăng ký tham gia Cơ chế thử nghiệm.  Thời hạn của Giấy chứng nhận tham gia Cơ chế thử nghiệm không vượt quá thời hạn (nếu có) của Giấy phép thành lập, đăng ký kinh doanh của tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm.  Căn cứ vào tình hình thực hiện thử nghiệm thực tế, Ngân hàng Nhà nước có thể điều chỉnh thời gian thử nghiệm theo quy định tại Điều 21, Điều 22 Nghị định này.  2*.* Tùy thuộc vào các giải pháp Fintech cụ thể và đề xuất cụ thể của tổ chức đăng ký tham gia thử nghiệm tại hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước sẽ quyết định phạm vi hoạt động của các giải pháp bao gồm, nhưng không giới hạn một hoặc một số yếu tố sau: Về địa lý, về hạn mức giao dịch, về số lượng khách hàng tham gia sử dụng giải pháp; và không thay đổi trong thời gian thử nghiệm. | Khoản 1 Điều 12: Cần có cơ chế, điều kiện để khuyến khích tiếp tục hoạt động, tránh việc lãng phí cho doanh nghiệp khi đầu tư sau 2 năm hết hạn không được tiếp tục hoạt động. Đồng thời xem xét chỉnh sửa các yếu tố quyết định thời hạn thử nghiệm để bảo đảm tính khả thi, minh bạch.  Lý do: Các doanh nghiệp cung cấp Giải pháp Fintech cần thời gian dài hơn để thu hồi vốn vì chi phí ban đầu đầu tư cho công nghệ, trang thiết bị kỹ thuật, cơ cấu tổ chức, nhân sự rất lớn do vậy đề xuất kéo dài thời gian thừ nghiệm từ 3-5 năm. Ngân hàng nhà nước có thể cho phép dự án kết thúc sớm hơn đối với các Tổ chức thừ nghiệm khả thi. Yếu tố “phức tạp, đột phá sáng tạo” hoàn toàn mang tính định tính, có thể dẫn đến không chính xác trong quá trình xem xét phạm vi và thời hạn. cần bổ sung các yếu tố mang tính định lượng và tập trung vào xử lý các rủi ro liên quan (nếu có). | VNPAY | **Không tiếp thu.**  - Khi tham gia thử nghiệm tổ chức tham gia đã phải lên phương án phù hợp và dự trù các khả năng có thể xảy ra. Bên cạnh đó, dự thảo Nghị định không phải quy định pháp lý chính thức.  - Cơ sở của việc quy định “Thời gian thử nghiệm các giải pháp Fintech tối đa hai (02) năm tùy từng giải pháp và lĩnh vực cụ thể, tính từ thời điểm được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy chứng nhận tham gia Cơ chế thử nghiệm”: Qua nghiên cứu kinh nghiệm xây dựng Cơ chế thử nghiệm của các quốc gia trên thế giới và khuyến nghị của Ngân hàng Thế giới (WB)[[3]](#footnote-3), ***các Cơ chế thử nghiệm trong lĩnh vực Fintech đều có giới hạn về thời gian***, cụ thể có thể dao động trong khoảng 3 – 24 tháng và khoảng thời gian thử nghiệm phổ biến nhất là từ 6 tháng đến 1 năm. Bên cạnh đó, việc quy định thời gian thử nghiệm giới hạn trong hai (02) năm và có thể được gia hạn (Quy định về gia hạn thử nghiệm tại Điều 22 Dự thảo Nghị định) đã đảm bảo các cơ quan quản lý có đủ thời gian quan sát việc cung ứng giải pháp và đưa ra các định hướng quản lý giải pháp thử nghiệm, tạo cơ sở cho việc hoàn thiện khuôn khổ pháp lý cho phép giải pháp cung ứng được triển khai rộng rãi hoặc cần giới hạn cung ứng giải pháp để kiểm soát rủi ro, hạn chế tác động tiêu cực đến thị trường tài chính.  Ngoài ra, theo ý kiến một số chuyên gia tài chính – ngân hàng uy tín trong nước[[4]](#footnote-4), thời gian thử nghiệm cần được rút ngắn còn một (01) năm để thúc đẩy đổi mới sáng tạo, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số, thích ứng với sự phát triển nhanh chóng của Fintech. Tuy nhiên, đối với trường hợp của Việt Nam, qua kinh nghiệm mà NHNN đã xử lý thí điểm đối với các tổ chức không phải là ngân hàng tham gia cung ứng các dịch vụ trung gian thanh toán giai đoạn 2008-2012 cho thấy, các công ty này cần một khoảng thời gian nhất định để chuẩn bị, điều kiện về hạ tầng, kỹ thuật, nhân sự… và thời gian phù hợp để triển khai mô hình/giải pháp sau khi được NHNN chấp thuận tham gia thử nghiệm là 01-02 năm (tùy từng giải pháp cụ thể); trong thời gian thử nghiệm nêu trên, các công ty Fintech có thể được cơ quan quản lý xem xét chấm dứt/dừng thử nghiệm hoặc gia hạn thời gian thử nghiệm.  **-** Liên quan đến yếu tố “phức tạp, đột phá sáng tạo”, đây là bản chất của Fintech. Fintech là vấn đề mới, chưa thể lường trước hết những rủi ro nên các yếu tố xem xét còn mang tính định tính, không thể định lượng cụ thể. |
| Khoản 2 Điều 12: Đề xuất phải có tiêu chí và căn cứ cụ thể làm căn cứ để đưa ra quyết định, ít nhất theo từng nhóm giải pháp quy định tại Điều 7, tránh quyết định cảm tính từ cơ quan quản lý nhà nước.  Lý do: Các giải pháp khác nhau cần giới hạn khác nhau dựa trên các rủi ro. | VNPAY | **Không tiếp thu.**  Fintech là vấn đề mới, chưa thể xác định được rủi ro cụ thể. Theo đó, Cơ chế thử nghiệm (Sandbox) là cách tiếp cận pháp lý mới về các vấn đề mới do vậy các quy định mang tính nguyên tắc, chưa phải quy tắc, quy định cụ thể nên có thể một số quy định chỉ mang tính định hướng, cảm tính không thể định lượng cụ thể. Cơ chế thử nghiệm được đưa ra để kiểm thử rủi ro đảm bảo theo mục tiêu của Nghị định. |
| Điểm d và đ, Khoản 2 Điều 13: Đề nghị làm rõ quy định về “nhân sự sáng lập, quản lý điều hành tham gia vay, cho vay” và “nhân sự quản lý, điều hành Công ty cho vay ngang hàng”.  Lý do: Đề nghị làm rõ cách xác định các đối tượng theo quy định tại khoản này để tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm có căn cứ thực hiện và tuân thủ. | VNPAY | **Tiếp thu.** NHNN đã điều chỉnh tại dự thảo Nghị định theo quy định tại Luật Doanh nghiệp. |
| Điều 13 | Điều 13. Nguyên tắc hoạt động 1. Trong quá trình tham gia thử nghiệm, Công ty cho vay ngang hàng đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định tại Nghị định này, các quy định pháp luật có liên quan và nội dung tại Giấy chứng nhận tham gia Cơ chế thử nghiệm; chịu trách nhiệm đối với mọi hoạt động trong quá trình vận hành, triển khai thử nghiệm giải pháp cho vay ngang hàng.  2. Công ty cho vay ngang hàng trong quá trình tham gia Cơ chế thử nghiệm không được thực hiện các hành vi sau:  a) Cung cấp biện pháp bảo đảm tiền vay;  b) Cung cấp dịch vụ môi giới thông tin cho việc vay tiền phục vụ hoạt động đầu tư cổ phiếu và các hoạt động mang tính rủi ro cao khác;  c) Sử dụng trái phép nguồn tiền từ khách hàng;  d) Các nhân sự sáng lập, quản lý điều hành tham gia vay, cho vay và là bên bảo đảm hoặc bảo lãnh qua giải pháp Fintech do mình vận hành, lợi dụng ưu thế quản lý, điều hành làm thay đổi các thông tin qua giải pháp Fintech, thực hiện hành vi lừa đảo, gian lận, chiếm đoạt tài sản của khách hàng;  đ) Nhân sự quản lý, điều hành Công ty cho vay ngang hàng đồng thời là chủ sở hữu, nhân sự quản lý, điều hành của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ tài chính, tín dụng, cầm đồ, kinh doanh đa cấp, là chủ các dây hụi, họ hoặc đang làm trong lĩnh vực ngân hàng, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến trung gian thanh toán, ví điện tử. | Tại Điều 1, Điều 2, điểm d khoản 2 Điều 13 của dự thảo hiện tại chỉ nói đến đối tượng áp dụng là (i) Tổ chức tín dụng, và (ii) các công ty công nghệ tài chính (Công ty Fintech). Tuy nhiên, điểm d khoản 2 Điều 13 lại loại trừ nhân sự quản lý, điều hành của Công ty cho vay ngang hàng không được là nhân sự đang làm việc trong lĩnh vực ngân hàng/trung gian thanh toán/ví điện tử. Do đó, các doanh nghiệp trung gian thanh toán như AirPay không rõ mình sẽ đủ điều kiện để tham gia vào cơ chế thử nghiệm với vai trò gì. Công ty đề xuất làm rõ hơn phạm vi áp dụng của quy định liên quan đến doanh nghiệp trung gian thanh toán và vai trò của doanh nghiệp trung gian thanh toán khi tham gia cơ chế thử nghiệm. | AIRPAY | NHNN nhận thấy quy định về vấn đề đồng sở hữu của nhóm nhân sự quản lý, điều hành công ty vận hành sàn giao dịch P2P Lending trong các lĩnh vực khác là rất cần thiết để có thể giảm thiểu rủi ro liên quan. Công ty trung gian thanh toán có thể tham gia thử nghiệm đối với các giải pháp Fintech khác không có quy định hạn chế liên quan đến nhân sự quản lý, điều hành. Tuy nhiên, tại Điều 13 dự thảo Nghị định đã chỉnh sửa và quy định cụ thể về nhân sự quản lý, điều hành. |
|  | - Kiến nghị ban soạn thảo làm rõ các hoạt động nào được coi là “hoạt động mang tính rủi ro cao” được đề cập tại điểm c khoản 2 Điều 13 của Nghị định.  - Tại điểm c mục 2 Điều 13, đề nghị sửa "sử dụng trái phép nguồn tiền từ khách hàng" thành “sử dụng nguồn tiền của khách hàng trái với thỏa thuận với khách hàng”.  - Tại điểm d mục 2 Điều 13, đề nghị thay cụm từ “nhân sự quản lý, điều hành của doanh nghiệp” thành “người quản lý doanh nghiệp” vì khái niệm “người quản lý doanh nghiệp” đã được khái niệm rõ ràng tại Luật doanh nghiệp 2020. | MOCA | - Bỏ điểm b khoản 2 Điều 13 dự thảo Nghị định.  **- Tiếp thu.** NHNN đã điều chỉnh nội dung này tại dự thảo Nghị định.  - **Tiếp thu**. NHNN đã điều chỉnh nội dung này tại dự thảo Nghị định. |
|  | Đối với Khoản 2 Điều 13: Dự thảo quy định các điểm a, b, c, d, đ về Công ty cho vay ngang hàng không được thực hiện các hành vi trong quá trình tham gia Cơ chế thử nghiệm. PCB đề xuất bổ sung thêm nội dung về việc cấm “Tiết lộ dữ liệu thông tin cá nhân của khách hàng vay” Việc bổ sung nội dung này sẽ phù hợp với hoạt động tài chính vì mọi hoạt động liên quan đến tài chính đều dựa trên cơ sở trên dữ liệu thông tin của khách hàng, điều này sẽ hạn chế việc Công ty cho vay ngang hàng có được thông tin khách hàng và thực hiện các mô hình kinh doanh bất hợp pháp. | PCB | **Không tiếp thu**. Dự thảo Nghị định quy định trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn, bí mật thông tin của khách hàng (khoản 3 Điều 17 – Bảo vệ khách hàng). Pháp luật hiện hành đã có chế tài xử lý (hành chính, thậm chí hình sự) đối với các hành vi vi phạm đối với thông tin, dữ liệu của người khác. |
|  | **CHƯƠNG III** | | | |
| Điều 18 | **Điều 18. Chế độ báo cáo**  1. Ngân hàng Nhà nước có quyền yêu cầu các tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm cung cấp thông tin có liên quan tới quá trình thử nghiệm theo định kỳ và đột xuất.  2. Tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm có trách nhiệm báo cáo định kỳ và cung cấp thông tin đột xuất về quá trình thử nghiệm, các rủi ro phát sinh, kết quả triển khai thử nghiệm cho Ngân hàng Nhà nước theo quy định. Tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm chịu trách nhiệm tự thiết lập các chỉ tiêu báo cáo tương ứng với đặc thù của giải pháp Fintech tham gia thử nghiệm theo quy định tại Nghị định này.   1. Tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm phải lập báo cáo định kỳ hàng quý về các chỉ tiêu vận hành của giải pháp tham gia thử nghiệm theo Phụ lục 06 ban hành kèm Nghị định này. Kỳ báo cáo quý được tính từ ngày 01 tháng đầu quý đến hết ngày cuối cùng của tháng cuối quý; thời hạn nộp báo cáo chậm nhất là ngày 10 của tháng đầu tiên quý tiếp theo; 2. Tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm phải lập báo cáo đánh giá sơ bộ về kết quả triển khai giải pháp thử nghiệm sau thời hạn sáu (06) tháng hoặc một (01) năm (tùy thuộc vào thời gian mà tổ chức được phép thử nghiệm) kể từ ngày được chấp thuận tham gia thử nghiệm theo Phụ lục 07 ban hành kèm Nghị định này. Báo cáo đánh giá sơ bộ phải bao gồm các nội dung chính thể hiện tình trạng triển khai và vận hành của giải pháp, mức độ tiếp nhận của thị trường, các vấn đề phát sinh về kỹ thuật, bảo mật, rủi ro gian lận, rủi ro về phòng chống rửa tiền, tài trợ khủng bố và tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt; 3. Trước khi kết thúc thời hạn thử nghiệm ít nhất 90 ngày làm việc, tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm phải nộp báo cáo đánh giá kết quả thử nghiệm theo Phụ lục 07 ban hành kèm Nghị định này; 4. Báo cáo sự cố khi phát hiện sự cố gây gián đoạn hoạt động triển khai giải pháp thử nghiệm qua địa chỉ thư điện tử *tt@sbv.gov.vn* trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm phát sinh sự cố và gửi báo cáo bằng văn bản theo Phụ lục 08 ban hành kèm Nghị định này trong vòng 03 ngày làm việc sau khi hoàn thành khắc phục sự cố. | Tại khoản 2 Điều 18, đề xuất bỏ nội dung “Tổ chức tham gia thử nghiệm chịu trách nhiệm tự thiết lập các chỉ tiêu báo cáo tương ứng với đặc thù của sản phẩm tham gia thử nghiệm theo quy định tại Nghị định này”.  Lý do: Phụ lục 06 và Phụ lục 7 của Dự thảo nghị định đã đưa ra mẫu báo cáo định kỳ hàng quý về các chỉ tiêu vận hành của giải pháp tham gia thử nghiệm và báo cáo đánh giá sơ bộ về kết quả triển khai giải pháp thừ nghiệm, trong đó đưa ra các chỉ tiêu cần báo cáo. | VNPAY | **Không tiếp thu.**  Phụ lục 06 và Phụ lục 07 là mẫu báo cáo cơ bản, tuy nhiên, mỗi giải pháp, sản phẩm Fintech lại có đặc thù riêng mà cơ quan quản lý chưa nắm bắt được. |
|  | Điều 19. Bảo vệ khách hàng Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của khách hàng trong quá trình thử nghiệm, tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm có trách nhiệm:   1. Ban hành và cung cấp cho khách hàng hướng dẫn khuyến cáo rủi ro khi tham gia sử dụng giải pháp trong thời gian thử nghiệm.   2. Thông báo tới khách hàng về việc sử dụng giải pháp đang tham gia qua trình thử nghiệm; bảo đảm cung cấp thông tin chính xác, đầy đủ, trung thực về giải pháp thử nghiệm, phí dịch vụ, các quyền, nghĩa vụ của khách hàng đối với từng loại giải pháp; chịu trách nhiệm về việc cung cấp thông tin không chính xác, không trung thực hoặc không đầy đủ khi cung cấp thông tin cho khách hàng qua bên thứ ba, trừ trường hợp chứng minh đã thực hiện tất cả các biện pháp theo quy định của pháp luật để kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, trung thực của thông tin.  3. Bảo đảm an toàn, bí mật thông tin của khách hàng trong và sau quá trình sử dụng giải pháp thử nghiệm trừ trường hợp cung cấp theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.  Ban hành các quy định về bảo vệ thông tin khách hàng khi lưu trữ và truyền dẫn bằng các cơ chế bảo mật, mã hóa, giấu tên, che giấu dữ liệu. Trong trường hợp tổ chức thu thập, sử dụng, chuyển giao thông tin của người dùng thì có trách nhiệm thông báo trực tiếp tới khách hàng về mục đích sử dụng thông tin trước khi thực hiện; sử dụng thông tin phù hợp với mục đích công bố; bảo đảm chính xác, đầy đủ khi thu thập, chuyển giao thông tin và chỉ được thu thập, chuyển giao thông tin cho bên thứ ba khi có sự cho phép của khách hàng.  4. Xây dựng và đảm bảo tuân thủ quy trình nội bộ và các biện pháp kiểm soát rủi ro có thể dẫn tới việc truy cập hoặc sử dụng trái phép dữ liệu cá nhân, gian lận và đánh cắp thông tin cá nhân của khách hàng.  5. Định kỳ đánh giá rủi ro, bảo đảm thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro trong quá trình thử nghiệm và kịp thời thông báo với khách hàng trong trường hợp có sự thay đổi về mức độ rủi ro của giải pháp thử nghiệm.  6. Thành lập bộ phận xử lý khiếu nại của khách hàng. Trong trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại, tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm có trách nhiệm:  a) Tiếp nhận và có biện pháp xử lý mọi yêu cầu tra soát, khiếu nại bằng văn bản, qua tổng đài điện thoại, nền tảng trực tuyến hoặc thư điện tử của khách hàng trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được yêu cầu tra soát, khiếu nại từ khách hàng;  b) Bồi thường thiệt hại cho khách hàng tương ứng với lỗi của tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm và chịu các chi phí pháp lý liên quan trong trường hợp chứng minh được thiệt hại bắt nguồn từ nguyên nhân chủ quan của tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm.  7. Định kỳ hàng quý hoặc khi có yêu cầu, báo cáo Ngân hàng Nhà nước kết quả xử lý các tình huống phát sinh tranh chấp, khiếu nại của khách hàng.cung cấp thông tin cho khách hàng qua bên thứ ba, trừ trường hợp chứng minh đã thực hiện tất cả các biện pháp theo quy định của pháp luật để kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, trung thực của thông tin.  3. Bảo đảm an toàn, bí mật thông tin của khách hàng trong và sau quá trình sử dụng giải pháp thử nghiệm trừ trường hợp cung cấp theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.  Ban hành các quy định về bảo vệ thông tin khách hàng khi lưu trữ và truyền dẫn bằng các cơ chế bảo mật, mã hóa, giấu tên, che giấu dữ liệu. Trong trường hợp tổ chức thu thập, sử dụng, chuyển giao thông tin của người dùng thì có trách nhiệm thông báo trực tiếp tới khách hàng về mục đích sử dụng thông tin trước khi thực hiện; sử dụng thông tin phù hợp với mục đích công bố; bảo đảm chính xác, đầy đủ khi thu thập, chuyển giao thông tin và chỉ được thu thập, chuyển giao thông tin cho bên thứ ba khi có sự cho phép của khách hàng.  4. Xây dựng và đảm bảo tuân thủ quy trình nội bộ và các biện pháp kiểm soát rủi ro có thể dẫn tới việc truy cập hoặc sử dụng trái phép dữ liệu cá nhân, gian lận và đánh cắp thông tin cá nhân của khách hàng.  5. Định kỳ đánh giá rủi ro, bảo đảm thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro trong quá trình thử nghiệm và kịp thời thông báo với khách hàng trong trường hợp có sự thay đổi về mức độ rủi ro của giải pháp thử nghiệm.  6. Thành lập bộ phận xử lý khiếu nại của khách hàng. Trong trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại, tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm có trách nhiệm:  a) Tiếp nhận và có biện pháp xử lý mọi yêu cầu tra soát, khiếu nại bằng văn bản, qua tổng đài điện thoại, nền tảng trực tuyến hoặc thư điện tử của khách hàng trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được yêu cầu tra soát, khiếu nại từ khách hàng;  b) Bồi thường thiệt hại cho khách hàng tương ứng với lỗi của tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm và chịu các chi phí pháp lý liên quan trong trường hợp chứng minh được thiệt hại bắt nguồn từ nguyên nhân chủ quan của tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm.  7. Định kỳ hàng quý hoặc khi có yêu cầu, báo cáo Ngân hàng Nhà nước kết quả xử lý các tình huống phát sinh tranh chấp, khiếu nại của khách hàng. | Tại khoản 3 Điều 19:  - Đề xuất thống nhất cách sử dụng thuật ngữ “khách hàng”, “khách hàng sử dụng giải pháp Fintech” và “người dùng”.  - Đề xuất bỏ quy định về **thông báo** **trực tiếp** tới khách hàng.  Lý do: Trường hợp Tổ chức tham gia cơ chế thử nghiệm cung cấp dịch vụ tới khách hàng cuối thông qua ngân hàng/đối tác thì việc thông báo tới khách hàng có thể được thực hiện gián tiếp thông qua ngân hàng/đối tác. | NAPAS | **Tiếp thu.** NHNN đã rà soát, điều chỉnh trong quá trình hoàn thiện dự thảo Nghị định. |
|  | PCB đề xuất bổ sung thêm nội dung về các hình thức xử phạt đối với các tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm trong quá trình thực hiện có vi phạm các quyền liên quan đến dữ liệu khách hàng. Có thể bổ sung mức phạt theo từng luật điều chỉnh và có tính chất tăng dần theo mức xử phạt cụ thể để răn đe các Bên gây ảnh hưởng việc lợi dụng dữ liệu cá nhân trong quá trình tham gia. Điều này có thể giảm thiểu được rủi ro rò rỉ thông tin và tạo được khuôn khổ pháp lý trong việc tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm sử dụng các nguồn TTTD để đánh giá khách hàng. | PCB | **- Không tiếp thu.** Fintech là vấn đề mới, chưa thể đánh giá hết được các rủi ro để đưa ra các hình thức xử phạt đối với các hành vi vi phạm. Bên cạnh đó, dự thảo Nghị định quy định các *tiêu chí khung*, *có* *tính* *nguyên tắc và thống nhất chung*, tạo Cơ chế thử nghiệm thúc đẩy đổi mới, sáng tạo cho các tổ chức tham gia. |
|  | Điều 21. Dừng thử nghiệm  1. Ngân hàng Nhà nước xem xét có văn bản thu hồi Giấy chứng nhận tham gia Cơ chế thử nghiệm đã cấp trong các trường hợp sau đây:   a) Sau 90 ngày làm việc kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận tham gia Cơ chế thử nghiệm, tổ chức không triển khai thử nghiệm mà không có lý do chính đáng;  b) Hết thời hạn thực hiện thử nghiệm được quy định tại Giấy chứng nhận tham gia thử nghiệm hoặc hết thời gian đã được gia hạn thử nghiệm mà không được gia hạn tiếp theo quy định tại Điều 22 của Nghị định này;  d) Xuất hiện những rủi ro theo đánh giá của các cơ nhà nước có thẩm quyền có liên quan là nghiêm trọng, có khả năng gây rủi ro lớn, thiệt hại thực tế tới khách hàng hoặc gây bất ổn cho thị trường tài chính-tiền tệ; các sự cố về kỹ thuật không thể khắc phục, vi phạm các quy định pháp luật có liên quan khi có bản án, quyết định thi hành án, quyết định xử phạt vi phạm hành chính có hiệu lực;  đ) Tổ chức tự nguyện chấm dứt hoạt động thử nghiệm;  e) Tổ chức chấm dứt hoạt động theo các quy định của pháp luật;  g) Có thay đổi quy định pháp luật dẫn đến phải thu hồi Giấy chứng nhận tham gia Cơ chế thử nghiệm đã cấp;  h) Giải pháp thử nghiệm không đáp ứng được các tiêu chí thử nghiệm theo đánh giá của cơ quan quản lý;  i) Thay đổi một trong các nội dung sau: người đại diện theo pháp luật, thực hiện chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi doanh nghiệp.   1. Các tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm bị dừng thử nghiệm không đồng nghĩa với việc không đáp ứng các điều kiện hoạt động theo quy định pháp luật hiện hành. Các tổ chức tự chịu trách nhiệm trong việc tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan trong quá trình hoạt động. 2. Trình tự xử lý   a) Tối thiểu 90 ngày làm việc trước khi kết thúc thời gian thử nghiệm, tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm phải nộp báo cáo kết quả thử nghiệm về Ngân hàng Nhà nước theo mẫu Phụ lục 07 ban hành kèm Nghị định này.  b) Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thử nghiệm, Ngân hàng Nhà nước tiến hành đánh giá toàn bộ quá trình thử nghiệm;  Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi lấy ý kiến tham gia góp ý của các Bộ liên quan (nếu cần thiết). Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Ngân hàng Nhà nước, các Bộ liên quan gửi Ngân hàng Nhà nước văn bản tham gia ý kiến đối với Báo cáo kết quả thử nghiệm.  Trường hợp cần giải trình, làm rõ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm giải trình, hoàn thiện báo cáo.  c) Trong thời hạn 45 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thử nghiệm, Ngân hàng Nhà nước ban hành quyết định về việc dừng thử nghiệm đối với tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm theo quy định tại khoản 1 Điều này;  d) Ngay khi nhận được thông báo về quyết định dừng thử nghiệm của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm có trách nhiệm:  Lập kế hoạch chấm dứt thử nghiệm, đảm bảo tính khả thi để hoàn tất trong thời hạn tối đa 06 tháng;  Kịp thời thông báo cho khách hàng về việc dừng thử nghiệm ít nhất 30 ngày trước khi chính thức dừng tham gia Cơ chế thử nghiệm;  Bảo đảm quyền lợi khách hàng và có cơ chế giải quyết khiếu nại, bồi thường cho khách hàng trong trường hợp khách hàng bị thiệt hại do việc tổ chức dừng tham gia Cơ chế thử nghiệm;  Kịp thời báo cáo Ngân hàng Nhà nước bằng văn bản về thiệt hại phát sinh và biện pháp xử lý trong trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại do việc dừng tham gia Cơ chế thử nghiệm;  Dừng giới thiệu và cung cấp giải pháp Fintech thử nghiệm cho khách hàng mới; thông báo công khai trên trang tin điện tử chính thức của tổ chức tham gia thử nghiệm về việc thu hồi Giấy chứng nhận tham gia thử nghiệm.  4. Đối với các trường hợp dừng thử nghiệm khẩn cấp do yêu cầu từ các cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc do rủi ro nghiêm trọng xảy ra trong quá trình thử nghiệm, ngay sau khi nhận được thông báo bằng văn bản về quyết định dừng thử nghiệm của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm có trách nhiệm thực hiện ngay lập tức các quy định tại điểm d Khoản 3 Điều này. | Tại điểm i khoản 1 Điều 21, đề nghị xem xét **tạm dừng** thử nghiệm chứ không thực hiệnthu hồi Giấy chứng nhận tham gia Cơ chế thử nghiệm đối với trường hợp thay đổi người đại diện theo pháp luật, thực hiện chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi doanh nghiệp. | NAPAS | **Tiếp thu.** NHNN đã nghiên cứu, điều chỉnh trong quá trình hoàn thiện dự thảo Nghị định. |
| Công ty đề xuất loại bỏ nội dung dừng thử nghiệm khi thay đổi “người đại diện theo pháp luật” và “chuyển đổi doanh nghiệp”. Lý do: việc thay đổi người đại diện theo pháp luật là hoạt động thông thường của doanh nghiệp, không ảnh hưởng đến việc vận hành doanh nghiệp nói chung. Tương tự, việc chuyển đổi doanh nghiệp nói chung (ví dụ: chuyển từ công ty TNHH thành công ty cổ phần và ngược lại) cũng là hoạt động thay đổi cơ cấu tổ chức thông thường của doanh nghiệp, không ảnh hưởng đến việc thực hiện kế hoạch kinh doanh/dự án của doanh nghiệp nói chung. | AIRPAY | **Tiếp thu.** NHNN đã nghiên cứu, điều chỉnh trong quá trình hoàn thiện dự thảo Nghị định. |
|  | Điểm a Khoản 1 Điều 21: Đề nghị sửa thành: “*Sau 90 ngày làm việc kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận tham gia Cơ chế thử nghiệm, tổ chức không triển khai thử nghiêm mà không có lý do chính đáng,* ***trừ trường hợp được Ngân hàng Nhà nước có văn bản cho phép gia hạn thời gian tiến hành thử nghiệm.”.*** Bên cạnh đó, đề xuất làm rõ các trường hợp được coi là có lý do chính đáng và cơ chế báo cáo, xác nhận lý do chính đáng của tổ chức thử nghiệm.  Lý do:  - Thực tế việc triển khai có thể cần nhiều thời gian hơn so với thời hạn 90 ngày vì một số trở ngại khách quan, không thể lường trước (bất khả kháng). Việc cho phép gia hạn trong một số trường hợp nhất định sẽ đảm bảo tính công bằng và tính mềm dẻo của pháp luật, tiết kiệm thời gian, chi phí trong thủ tục xin cấp lại cấp Giấy chứng nhận tham gia Cơ chế thừ nghiệm.  - Việc quy định không rõ ràng có thế dẫn đến việc áp đặt quan điểm từ cơ quan nhà nước về việc đánh giá lý do tổ chức thừ nghiệm đưa ra là chính đáng hay không. | VNPAY | **Không tiếp thu.** Các trường hợp lý do bất khả kháng do tổ chức báo cáo căn cứ vào tình hình thực tế (có thể là lý do dịch bệnh, các sự kiện bất khả kháng), cơ quan quản lý không liệt kê từng trường hợp cụ thể. |
|  | Điểm d Khoản 1 Điều 21: Đề nghị bổ sung nội dung, hướng dẫn làm rõ căn cứ để xác định “Rủi ro theo đánh giá của các cơ quan quản lý có liên quan là nghiêm trọng, có khả năng gây rủi ro lớn, thiệt hại thực tế tới khách hàng hoặc gây bất ổn cho thị trường tài chính-tiền tệ; các sự cố về kỹ thuật không thể khấc phục, vi phạm các quy định pháp luật có liên quan khi có bản án, quyết định thi hành án, quyết định xử phạt vi phạm hành chính có hiệu lực”.  Lý do: Quy định hiện tại chưa rõ ràng, có thể gây hoang mang cho đơn vị được cấp Giấy chứng nhận tham gia Cơ chế thử nghiệm. | VNPAY | **Không tiếp thu.** Hoạt động Fintech là hoạt động mới có thể gây ra các rủi ro tiềm ẩn đối với các chủ thể tham gia thị trường như các tổ chức tài chính truyền thống, khách hàng sử dụng dịch vụ và chính bản thân doanh nghiệp cung cấp dịch vụ, giải pháp Fintech. Các rủi ro này chưa được đánh giá, làm rõ bản chất một cách đầy đủ, toàn diện và chính xác. Mỗi giải pháp có thể có rủi ro với mức độ, tần suất khác nhau mà thời điểm hiện tại chưa thể quan sát, đánh giá được hết. |
|  | Điểm i Khoản 1 Điều 21: Đề xuất điều chỉnh quy định thành “Người đại diện theo pháp luật của tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm ***không đáp ứng được các tiêu chí được quy định tại Nghị định này*** hoặc tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm thực hiện chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyên đôi doanh nghiệp”.  Lý do: Nếu người đại diện theo pháp luật mới của tổ chức tham gia Cơ chế thừ nghiệm vẫn đáp ứng được các tiêu chí được quy định tại Nghị định thì không có căn cứ để dừng thử nghiệm. Theo quy định dự thảo hiện tại thì trong suốt quá trình tham gia Cơ chế thử nghiệm, tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm sẽ không được thay đổi người đại diện theo pháp luật. Việc thay đổi người đại diện theo pháp luật dẫn đến dừng Cơ chế thừ nghiệm sẽ gây khó khăn, tốn kém và thiệt hại cho tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm. Do đó, đề xuất quy định cơ chế điều chỉnh, xét duyệt khi tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm thay đổi người đại diện theo pháp luật để tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm an tâm khi tham gia và thực hiện Cơ chế thử nghiệm. | VNPAY | **Tiếp thu.** NHNN đã nghiên cứu, điều chỉnh trong quá trình hoàn thiện dự thảo Nghị định. |
| Điều 22 | Điều 22. Gia hạn thời gian thử nghiệm 1. Kết thúc thời gian thử nghiệm theo quy định, trong trường hợp khung khổ pháp lý chính thức đối với giải pháp Fintech tham gia thử nghiệm chưa được ban hành và có hiệu lực, tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm có nhu cầu gia hạn thời gian thử nghiệm có văn bản đề nghị gia hạn thử nghiệm cùng báo cáo kết quả thử nghiệm gửi Ngân hàng Nhà nước;  2. Quyết định kéo dài thời gian thử nghiệm được xem xét dựa trên báo cáo kết quả thử nghiệm và tình hình thực tế là quyết định cuối cùng của Ngân hàng Nhà nước với thời gian mỗi lần gia hạn thử nghiệm không quá một (01) năm và có thể được gia hạn nhiều lần.  3. Trình tự xử lý  a) Tối thiểu 90 ngày làm việc trước khi kết thúc thời gian thử nghiệm, tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm phải gửi Ngân hàng Nhà nước văn bản đề nghị gia hạn thử nghiệm theo mẫu Phụ lục 04 cùng báo cáo đánh giá kết quả thử nghiệm theo mẫu Phụ lục 07 ban hành kèm Nghị định này;  b) Trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản gia hạn thử nghiệm cùng báo cáo kết quả thử nghiệm, Ngân hàng Nhà nước tiến hành đánh giá toàn bộ quá trình thử nghiệm;  Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi lấy ý kiến tham gia góp ý của các Bộ liên quan (nếu cần thiết). Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Ngân hàng Nhà nước, các Bộ liên quan gửi Ngân hàng Nhà nước văn bản tham gia ý kiến đối với Báo cáo kết quả thử nghiệm;  Trường hợp cần giải trình, làm rõ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm giải trình, hoàn thiện báo cáo.  c) Trong thời hạn 45 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản gia hạn cùng báo cáo kết quả thử nghiệm, Ngân hàng Nhà nước có văn bản phản hồi về đề nghị gia hạn thời gian thử nghiệm. | AirPay đề xuất kéo dài thời gian gia hạn lên 02 (hai) năm để tránh phát sinh các thủ tục giấy tờ quá thường xuyên. | AIRPAY | **Không tiếp thu.** Do nếu quy định như vậy việc gia hạn thời gian thử nghiệm sẽ dẫn tới việc thử nghiệm kéo dài. |
| Điều 23 | **Điều 23. Chứng nhận hoàn thành thử nghiệm**  1. Giấy chứng nhận hoàn thành thử nghiệm của tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm được cấp trong các trường hợp như sau:  a) Khi quy định pháp lý chính thức đối với giải pháp Fintech đã được hoàn thiện và có hiệu lực, tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm được cấp Giấy chứng nhận hoàn thành thử nghiệm và thực hiện theo quy định pháp luật tại thời điểm hoàn thành thử nghiệm;  b) Khi việc triển khai giải pháp thử nghiệm của tổ chức được đánh giá là không vi phạm các quy định pháp luật hiện hành và giải pháp không được xem xét là hoạt động kinh doanh có điều kiện, tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm được cấp Giấy chứng nhận hoàn thành thử nghiệm và triển khai chính thức ra thị trường phù hợp với quy định pháp luật tại thời điểm hoàn thành thử nghiệm.  2. Trình tự xử lý  a) Tối thiểu 90 ngày làm việc trước khi kết thúc thời gian thử nghiệm, tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm nộp Báo cáo kết quả thử nghiệm theo mẫu Phụ lục 07 ban hành kèm Nghị định này;  b) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thử nghiệm, Ngân hàng Nhà nước tiến hành đánh giá toàn bộ quá trình thử nghiệm.  Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi lấy ý kiến tham gia góp ý của các Bộ liên quan (nếu cần thiết). Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Ngân hàng Nhà nước, các Bộ liên quan gửi Ngân hàng Nhà nước văn bản tham gia ý kiến đối với Báo cáo kết quả thử nghiệm.  Trường hợp cần giải trình, làm rõ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức giải trình, hoàn thiện báo cáo;  c) Trong thời hạn 45 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thử nghiệm, Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy chứng nhận hoàn thành thử nghiệm cho tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm. | Đề xuất NHNN chỉnh sửa lại điểm b khoản 1 Điều 23 như sau: “Khi việc triển khai giải pháp thử nghiệm của tổ chức được đánh giá là không vi phạm các quy định pháp luật hiện hành, tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm được cấp Giấy chứng nhận hoàn thành thử nghiệm và triển khai chính thức ra thị trường phù hợp với Đề án thử nghiệm”.  Lý do: nếu giải pháp thử nghiệm “được xem xét là hoạt động kinh doanh có điều kiện” hoặc được triển khai theo “quy định pháp luật tại thời điểm hoàn thành thử nghiệm”, các trường hợp này được xem là rơi vào trường hợp đã có quy định pháp lý chính thức đối với giải pháp Fintech ở khoản a) Điều 1. | AIRPAY | **Không tiếp thu.** Trường hợp tại điểm b khoản 1 Điều 23 là trường hợp khi xét thấy không cần phải xây dựng quy định pháp lý chính thức nhưng đã đủ căn cứ pháp lý để triển khai. |
| Quy định tại dự thảo không rõ ràng, không nêu lên được ý nghĩa của Giấy chứng nhận hoàn thành thử nghiệm.  Trong trường hợp khi kết thúc thời gian thử nghiệm vẫn chưa có hành lang pháp lý để tổ chức thử nghiệm tuân thủ khi triển khai các giải pháp fintech thì giấy chứng nhận hoàn thành thử nghiệm có giá trị như thế nào, được sử dụng vào mục đích gì.  Trong trường hợp khi kết thúc thời gian thử nghiệm, đã có hành lang pháp lý để tổ chức thử nghiệm tuân thủ khi triển khai giải pháp fintech thì giấy chứng nhận hoàn thành thử nghiệm có giá trị như thế nào, tổ chức sở hữu giấy chứng nhận hoàn thành thử nghiệm có thuận lợi gì hơn so với các tổ chức không được cấp.  Ngoài ra, Giấy chứng nhận hoàn thành thử nghiệm được cấp trong các trường hợp như sau:  - “Khi quy định pháp lý chính thức đối với giải pháp Fintech đã được hoàn thiện và có hiệu lực, tổ chức thử nghiệm được cấp Giấy chứng nhận hoàn thành thử nghiệm và thực hiện theo quy định pháp luật.”  => Trường hợp này áp dụng luôn quy định pháp luật được ban hành cho từng giải pháp nên không cần thiết phải cấp thêm Giấy chứng nhận hoàn thành thử nghiệm.  - “Khi giải pháp thử nghiệm được đánh giá là không vi phạm các quy định pháp luật hiện hành và không được xem là hoạt động kinh doanh có điều kiện, tổ chức thử nghiệm được cấp giấy chứng nhận hoàn thành thử nghiệm và triển khai chính thức ra thị trường phù hợp với quy định pháp luật hiện hành”.  => Điều khoản này mâu thuẫn với Điều 7.6 Luật Đầu tư 2020. Nếu hoạt động này phải được cấp Giấy chứng nhận hoàn thành thử nghiệm mới được thực hiện thì sẽ là ngành nghề kinh doanh có điều kiện.  Đề nghị quy định rõ giá trị pháp lý của Giấy chứng nhận hoàn thành thử nghiệm. | VNPAY | - Trong trường hợp khi kết thúc thời gian thử nghiệm vẫn chưa có hành lang pháp lý để tổ chức thử nghiệm tuân thủ khi triển khai các giải pháp fintech thì sẽ không cấp giấy chứng nhận hoàn thành thử nghiệm.  - Trong trường hợp khi kết thúc thời gian thử nghiệm, đã có hành lang pháp lý để tổ chức thử nghiệm tuân thủ khi triển khai giải pháp fintech thì giấy chứng nhận hoàn thành thử nghiệm để đánh dấu kết thúc thời gian thử nghiệm, tổ chức không còn trong khuôn khổ này nữa. Bên cạnh đó, hoạt động thử nghiệm còn liên quan tới trách nhiệm và nghĩa vụ của rất nhiều bên có liên quan. Do đó, trường hợp này việc cấp giấy chứng nhận tham gia cơ chế thử nghiệm là cần thiết.  - Trường hợp giải pháp thử nghiệm được đánh giá là không vi phạm các quy định pháp luật hiện hành và không được xem là hoạt động kinh doanh có điều kiện, tổ chức thử nghiệm được cấp giấy chứng nhận hoàn thành thử nghiệm và triển khai chính thức ra thị trường phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.  - Dự thảo Nghị định đã quy định về các trường hợp cấp Giấy chứng nhận hoàn thành thử nghiệm, bao gồm: (i) đã có khuôn khổ pháp lý chính thức đối với giải pháp Fintech đã được hoàn thiện và có hiệu lực; (ii) việc triển khai giải pháp thử nghiệm của tổ chức được đánh giá là không vi phạm các quy định pháp luật hiện hành và giải pháp không được xem xét là hoạt động kinh doanh có điều kiện.  Do vậy, các tổ chức có cơ sở triển khai giải pháp thử nghiệm sau khi được cấp Giấy chứng nhận hoàn thành thử nghiệm: triển khai ngay trong trường hợp (ii) và có biện pháp triển khai phù hợp quy định pháp luật tương ứng trong trường hợp (i). Trong đó, với trường hợp (i), qua quá trình thử nghiệm không chỉ giúp cơ quan quản lý rút ra bài học để hoàn thiện khuôn khổ pháp lý, đồng thời, việc chứng nhận hoàn thành thử nghiệm cũng là bước xác định khuôn khổ pháp lý chính thức để triển khai giải pháp rộng rãi trên thị trường (không còn bị giới hạn trong khuôn khổ Cơ chế thử nghiệm). |
|  | Tại điểm b khoản 1 Điều 23 “Khi việc triển khai giải pháp thử nghiệm của tổ chức được đánh giá là không vi phạm các quy định pháp luật hiện hành và giải pháp không được xem xét là hoạt động kinh doanh có điều kiện, tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm được cấp Giấy chứng nhận hoàn thành thử nghiệm và triển khai chính thức ra thị trường phù hợp với quy định pháp luật tại thời điểm hoàn thành thử nghiệm". Kiến nghị ban soạn thảo quy định làm rõ thêm nếu tại và/hoặc sau thời điểm hoàn thành thử nghiệm mà chưa có quy định pháp luật cụ thể, rõ ràng điều chỉnh hoạt động của dịch vụ thử nghiệm thì tổ chức tham gia cơ chế thử nghiệm sẽ tiếp tục triển khai dịch vụ thử nghiệm dựa trên cơ sở nào. | MOCA | **Không tiếp thu.** Sandbox nhằm tạo ra Cơ chế thử nghiệm để các tổ chức tham gia thử nghiệm các giải pháp Fintech, chưa phải quy định pháp lý chính thức. Bên cạnh đó, khi tham gia Cơ chế thử nghiệm đã phải xây dựng phương án kế hoạch, đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật chung (quy định tại Bộ luật Dân sự,...). Sau thời điểm hoàn thành thử nghiệm, các tổ chức tham gia thử nghiệm tiếp tục thực hiện đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật chung. |
| Điều 24 | Điều 24. Trách nhiệm của tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm  1. Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, đầy đủ và trung thực của các thông tin cung cấp trong hồ sơ đăng ký tham gia Cơ chế thử nghiệm; chịu trách nhiệm đối với mọi hoạt động trong quá trình vận hành, triển khai thử nghiệm giải pháp Fintech. 2. Tuân thủ đầy đủ các quy định tại Nghị định này và các quy định pháp luật có liên quan và nội dung tại Giấy chứng nhận tham gia Cơ chế thử nghiệm trong quá trình thử nghiệm; 3. Thường xuyên rà soát, phát hiện các dấu hiệu nghi vấn liên quan đến hoạt động vi phạm pháp luật, kịp thời báo cáo cơ quan có thẩm quyền để điều tra, xử lý. 4. Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Nghị định này và theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền; cung cấp thông tin đầy đủ, minh bạch, chính xác cho các tổ chức, cá nhân có liên quan đến Cơ chế thử nghiệm. 5. Phối hợp chặt chẽ với Ngân hàng Nhà nước, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác trong quá trình kiểm tra, giám sát thử nghiệm khi có yêu cầu.   6. Chủ động tự giám sát, đánh giá rủi ro thường xuyên trong quá trình thử nghiệm.  7. Thực hiện nghĩa vụ kê khai, nộp thuế theo quy định của pháp luật thuế, quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn có liên quan.  8. Thực hiện các trách nhiệm theo thỏa thuận với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến Cơ chế thử nghiệm, quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan. | Dự thảo chỉ mới quy định về trách nhiệm của tổ chức tham gia Dự thảo Nghị định về Cơ chế thử nghiệm có kiểm soát hoạt động công nghệ tài chính trong lĩnh vực ngân hàng chưa quy định cụ thể về:  - Căn cứ xác nhận việc các công ty Fintech đã hoàn thành Cơ chế thử nghiệm và được cấp phép hoạt động chính thức.  Việc quy định quyền tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm sẽ giúp các tổ chức tham gia có định hướng phát triển và tạo động lực họ tham gia vào cơ chế để giảm thiểu các công ty Fintech hoạt động không có sự kiểm soát. | PCB | **Không tiếp thu.** Sau khi hoàn thành thử nghiệm, tổ chức tham gia được xem xét cấp Giấy chứng nhận tham gia Cơ chế thử nghiệm. Sandbox chưa phải quy định pháp lý chính thức nên chưa thể đưa ra quy định việc cấp giấy phép hoạt động chính thức. |
|  | **CHƯƠNG IV** | Tại Chương IV về trách nhiệm của các bên liên quan, kiến nghị ban soạn thảo bổ sung thêm quy định về việc bảo vệ quyền lợi hợp pháp của tổ chức tham gia cơ chế thử nghiệm trong quá trình thử nghiệm, ví dụ: trong thời gian thực hiện thử nghiệm mà phát sinh hành vi vi phạm pháp luật của khách hàng thì các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan, tòa án có trách nhiệm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp liên quan đến giao dịch thử nghiệm của tổ chức tham gia cơ chế thử nghiệm, trong phạm vi được cấp phép thử nghiệm. | MOCA | **Không tiếp thu.** Nghị định chỉ thiết lập nguyên tắc để thử nghiệm, chưa thể hoàn toàn xác định được bản chất, mô hình hay mối liên hệ cụ thể giữa các bên có liên quan. Do đó, chưa thể quy định rõ về cơ chế này. |
|  | **CHƯƠNG V** | | | |
| **Phụ lục số 02** | **Mục 2.1. (ii)**  (ii) Giải pháp Fintech là giải pháp giúp cải tiến các dịch vụ đã được cung ứng ra thị trường. Trường hợp này, Hồ sơ đề nghị cần đối chiếu, so sánh với các giải pháp tương tự đang được cung ứng trên thị trường. | Để giải quyết những hiểu lầm có thể phát sinh, gây ảnh hưởng hoạt động của ngân hàng, công ty Fintech, gia tăng các thủ tục, Công ty đề xuất NHNN xem xét làm rõ chỉ những cải tiến khi áp dụng làm thay đổi nghiệp vụ ngân hàng theo quy định pháp luật mới phải xin phép thử nghiệm.  Lý do: Công ty nhận thấy nội dung “cải tiến các dịch vụ đã được cung ứng ra thị trường” có phạm vi khá rộng. Với sự phát triển của công nghệ thông tin, và hưởng ứng số hóa hoạt động ngân hàng của Chính phủ, việc ngân hàng, Công ty Fintech áp dụng công nghệ vào hoạt động cung ứng dịch vụ của mình cũng đều có thể dẫn đến hiểu lầm là “Cải tiến”. | ZION | **Tiếp thu một phần.** NHNN đã nghiên cứu, hoàn thiện tại dự thảo Nghị định. |

1. Global Experiences from Regulatory Sandboxes, World Bank (2020). [↑](#footnote-ref-1)
2. <https://laodongthudo.vn/tien-si-nguyen-tri-hieu-chi-10-doanh-nghiep-p2p-lending-co-the-duoc-sandbox-bat-den-xanh-116872.html>. [↑](#footnote-ref-2)
3. Global Experiences from Regulatory Sandboxes, World Bank (2020). [↑](#footnote-ref-3)
4. <https://laodongthudo.vn/tien-si-nguyen-tri-hieu-chi-10-doanh-nghiep-p2p-lending-co-the-duoc-sandbox-bat-den-xanh-116872.html>. [↑](#footnote-ref-4)